



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 06/2022

Từ 14/02 - 18/02/2022

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

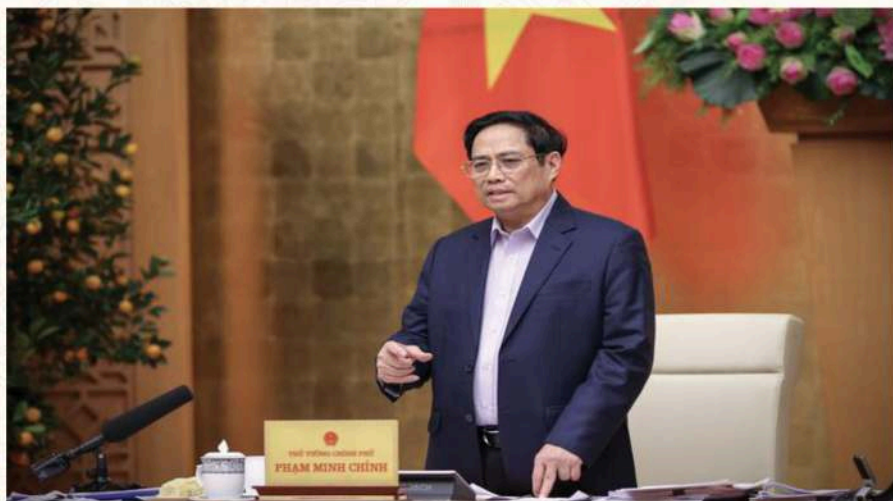
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: BÁM SÁT THỰC TIỄN ĐỂ HOÀN THIỆN THẺ CHÊ, ĐÁP ỨNG MONG MỎI CỦA NHÂN DÂN

Ngày 16/02, tại trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 02/2022.



Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Trưởng ngành tiếp tục tập trung, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế... Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Đây là phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật lần thứ 2 trong năm 2022. Trước đó, ngay trong tháng 01/2022, Chính phủ đã tổ chức phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật, cho ý kiến đối với 8 dự án, đề nghị xây dựng luật.

Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 02/2022 tập trung xem xét, thảo luận, quyết định đối với đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và 8 dự án luật, đề nghị xây dựng luật, trong đó có dự án Luật Thanh tra (sửa đổi), dự án Luật Dầu khí (sửa đổi), đề nghị xây dựng Luật Hợp tác xã (sửa đổi), dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi), dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở...

Kết luận phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính hoan nghênh các cơ quan trình, thẩm định đã làm việc rất trách nhiệm, đúng quy định; các thành viên Chính phủ thảo luận sôi nổi, tâm huyết, trách nhiệm, thể hiện chính kiến rõ ràng.

Các dự án luật, đề nghị xây dựng luật đã tập trung cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, cụ thể là Cương lĩnh năm 2011 của Đảng, Hiến pháp năm 2013, các nghị quyết của Trung ương, các kết luận, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

Các cơ quan đã bám sát quy trình, quy định, rất cố gắng để cải thiện đáng kể về chất lượng và tiến độ các dự án luật, đề nghị xây dựng luật, nhất là bảo đảm chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ.

Các dự án luật, đề nghị xây dựng luật cũng cho thấy các cơ quan đã bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn để đề xuất các chính sách, tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn về thể chế, chính sách, nhất là các dự án luật bổ sung, sửa đổi.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị các cơ quan trình tiếp thu tối đa ý kiến tại phiên họp, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan, lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn, các đối tượng tác động, phát huy dân chủ, huy động trí tuệ tập thể, tôn trọng các ý kiến khác nhau, kể cả các ý kiến phản biện để có đầy đủ thông tin, cân nhắc, lựa chọn phương án tối ưu nhất, tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng xây dựng các dự án luật, bảo đảm tiến độ, phù hợp tình hình thực tiễn, tuân thủ các quy định của Đảng, Nhà nước, đáp ứng mong mỏi của Nhân dân, thực thi có hiệu quả.

Với các vấn đề mới, khó, nhạy cảm, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tiếp tục nghiên cứu, đánh giá tác động, tham khảo kinh nghiệm quốc tế để đưa ra phương án phù hợp, khả thi, có cơ sở khoa học, thực tiễn và tạo đồng thuận khi trình.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Trưởng ngành tiếp tục tập trung, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, rà soát các luật, nghị định, thông tư liên quan tới lĩnh vực quản lý, phát hiện các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, tích cực xây dựng, chuẩn bị các hồ sơ, dự thảo để trình các cấp có thẩm quyền.

Bộ Tư pháp tiếp tục kiểm tra, đôn đốc, bảo đảm việc xây dựng và hoàn thiện thể chế đúng quy định, trình tự, thời hạn và nâng cao chất lượng. Đồng thời, Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm về chế độ, chính sách, nhân lực, nguồn lực, cơ sở vật chất... cho công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế; các cơ quan liên quan phối hợp để giải quyết nhanh các vấn đề đặt ra, nếu vượt quá thẩm quyền thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Các cơ quan truyền thông phối hợp với các cơ quan trình, thẩm định để làm tốt công tác truyền thông khi cơ quan có thẩm quyền đã cho ý kiến, tạo không khí sôi nổi, tâm huyết, trách nhiệm khi lấy ý kiến về các dự thảo luật, tạo sự đồng thuận giữa các cơ quan nhà nước và trong Nhân dân.

Cũng tại phiên họp, liên quan tới kế hoạch mở cửa du lịch từ ngày 15/3 tới, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm việc cụ thể với Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan khẩn trương có báo cáo chi tiết với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chính sách thị thực áp dụng đối với khách du lịch quốc tế nhập cảnh vào Việt Nam.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, triển khai việc mở cửa trường học, du lịch quốc tế bảo đảm an toàn, khoa học, hiệu quả, phù hợp tình hình, ban hành các quy định, quy trình, tiêu chuẩn liên quan để thực hiện thống nhất trên toàn quốc.

Từ thực tiễn bao phủ vaccine tại TP. Hồ Chí Minh và nhiều địa phương khác đã phát huy hiệu quả rất tốt, số ca tăng nặng và tử vong giảm sâu, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Y tế tích cực đôn đốc, kiểm tra chiến dịch tiêm chủng vaccine thần tốc.

Đồng thời, Bộ Y tế thúc đẩy sản xuất trong nước vaccine phòng COVID-19 theo tinh thần nhanh nhất về thủ tục hành chính và bảo đảm các yêu cầu về khoa học, chuyên môn; chủ động công bố, cho phép nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị trong nước theo quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, chống đầu cơ, tiêu cực; khẩn trương xem xét, quyết định theo thẩm quyền cho phép việc lưu thông, phân phối thuốc điều trị COVID-19 theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn, khoa học, phù hợp, hiệu quả...

Nguồn: baohinhphu.vn

NÂNG CAO NĂNG LỰC THANH TRA NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Ngày 16/02, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh khái ký ban hành Quyết định số 212/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2021 - 2025”.

Đề án nhằm hoàn thiện thể chế, đổi mới phương thức hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hiện đại hóa trang thiết bị nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; xây dựng đội ngũ công chức thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội “kỷ cương, liêm chính, đoàn kết, chuyên nghiệp”, thực hiện có hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, hội nhập khu vực ASEAN và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể của Đề án là hoàn thiện thể chế về tổ chức, hoạt động, chế độ chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động cho thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

100% công chức tại cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí việc làm; 100% cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được trang bị điều kiện làm việc phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước; trang cấp thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác thanh tra an toàn, vệ sinh lao động, điều tra tai nạn lao động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

100% cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội sử dụng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, Đề án sẽ triển khai nhiệm vụ, giải pháp gồm: Hoàn thiện quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động, chế độ chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động cho công tác thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; kiện toàn tổ chức

bộ máy cơ quan thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2021 - 2025; nâng cao năng lực đội ngũ công chức thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; đổi mới quy trình, phương pháp thanh tra chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin;...

Trong đó, xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm bảo đảm đội ngũ công chức có đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và môi trường chuyên đổi số; xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức thanh tra.

Đánh giá, điều chỉnh, chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ thực hiện thanh tra các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; xây dựng cơ chế áp dụng thống nhất danh mục trang thiết bị chuyên dùng trong hoạt động điều tra tai nạn lao động và thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động.

Nghiên cứu xây dựng phiếu đề thu thập thông tin đối tượng thanh tra trong giai đoạn chuẩn bị thanh tra; sử dụng bảng tự kiểm tra trong quá trình thanh tra; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý sau thanh tra; tăng cường phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thanh tra theo chuyên đề hoặc theo ngành, lĩnh vực.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ NỘI VỤ: BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, CẬP NHẬT, KHAI THÁC, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘI, QUỸ

Ngày 14/02, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký Quyết định số 79/QĐ-BNV ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hội, quỹ.

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh và các cá nhân tham gia vào hoạt động quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hội, quỹ của Bộ Nội vụ. Quy chế này quy định trách nhiệm quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hội, quỹ của Bộ Nội vụ.

Cơ sở dữ liệu hội, quỹ là kho dữ liệu, thông tin về hội, quỹ được cập nhật, lưu trữ, quản lý và đưa vào khai thác thông qua phần mềm do Vụ Tổ chức phi chính phủ chủ trì phối hợp với Trung tâm Thông tin, Văn phòng Bộ Nội vụ xây dựng, quản lý, vận hành. Quy chế cũng quy định về khai thác, sử dụng thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu hội, quỹ. Theo đó, mọi tổ chức, cá nhân đều được khai thác, sử dụng thông tin cơ bản thuộc Cơ sở dữ liệu hội, quỹ; Đối với các hội, quỹ muốn đăng nhập, cập nhật thông tin của tổ chức mình phải có đủ các điều kiện: Có

phiếu đăng ký cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin gửi Bộ Nội vụ, được Bộ Nội vụ cấp quyền truy cập, tài khoản, mật khẩu của Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ.

Thông tin cập nhật trong cơ sở dữ liệu hội, quỹ dựa trên nguyên tắc chung: Thông tin về hồ sơ hội, quỹ được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hội, quỹ phải thống nhất với hồ sơ giấy, hồ sơ điện tử đang được lưu trữ tại đơn vị cũng như bản cung cấp cho Vụ Tổ chức phi chính phủ, Bộ Nội vụ; Cơ sở dữ liệu hội, quỹ phải được cập nhật, bổ sung thường xuyên, kịp thời, đầy đủ và chính xác, được quản lý, sử dụng theo chế độ công khai (trừ trường hợp mật do Đảng, Nhà nước và Bộ Nội vụ quy định) và kết nối Cơ sở dữ liệu của Bộ Nội vụ đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số; Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và có biện pháp đảm bảo an toàn thông tin về Cơ sở dữ liệu hội, quỹ và đảm bảo tính tương thích trong toàn hệ thống khi có sự thay đổi về công nghệ, thiết bị; Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng cung cấp, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin trên Cơ sở dữ liệu hội, quỹ của Bộ Nội vụ để nhằm mục đích chống phá Đảng, Nhà nước, lợi ích của nhân dân, vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân; gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN VÀ SỬ DỤNG CÁC NỀN TẢNG SỐ QUỐC GIA PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ngày 11/02, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ký Quyết định số 186/QĐ-BTTTT phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Quan điểm chỉ đạo xây dựng Chương trình gồm: Nền tảng số là hệ thống thông tin phục vụ các giao dịch điện tử trực tuyến hoạt động theo mô hình sử dụng công nghệ số để tạo môi trường mạng cho phép nhiều bên cùng tham gia để giao dịch, cung cấp dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân, có thể sử dụng ngay, đơn giản, thuận tiện, linh hoạt theo yêu cầu, dễ dàng phổ biến trên diện rộng, các bên tham gia không cần tự đầu tư, quản lý, vận hành, duy trì. Nền tảng số là “hạ tầng mềm” của không gian số, giải quyết các bài toán cụ thể của chuyển đổi số, tạo lập và lưu trữ dữ liệu người dùng; càng có nhiều người sử dụng thì dữ liệu càng nhiều, chi phí càng rẻ, giá trị tạo ra càng lớn; Nền tảng số là giải pháp đột phá để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Điểm đột phá là nắm bắt cơ hội, phát triển và phổ cập thật nhanh các nền tảng số quốc gia phục vụ các nhu cầu riêng, đặc thù của người Việt Nam, trên cơ sở phân loại và thấu hiểu nhu cầu sử dụng của từng ngành, nghề, lĩnh vực; Nền tảng số quốc gia là yếu tố then chốt bảo đảm an toàn thông tin mạng và bảo vệ sự thịnh vượng của Việt Nam trên không gian mạng. Phát triển nền tảng số quốc gia

để tối đa hóa lợi ích do công nghệ mang lại đồng thời ngăn chặn và giảm thiểu các rủi ro mà công nghệ có thể gây ra cho xã hội và người dân.

Mục tiêu mà Chương trình hướng tới là: (1) Hình thành hệ sinh thái nền tảng số Việt Nam đáp ứng cơ bản yêu cầu chuyển đổi số, được sử dụng sâu rộng để tạo hạ tầng mềm phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số quốc gia và trong từng ngành, lĩnh vực, địa bàn, góp phần quan trọng để đạt được các chỉ tiêu chiến lược quốc gia phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; (2) Tập hợp các doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc, có tiềm lực, tập trung đầu tư phát triển các nền tảng số quốc gia làm nòng cốt để hình thành mạng lưới các nhà phát triển nền tảng số Việt Nam và mạng lưới hỗ trợ triển khai nền tảng số đông đảo, rộng khắp từ Trung ương đến cơ sở; (3) Tạo lập được một số nền tảng số Việt Nam xuất sắc đủ sức cạnh tranh với các nền tảng số phổ biến quốc tế, chiếm lĩnh thị trường Việt Nam, từ đó vươn ra thị trường khu vực và toàn cầu.

Các nhiệm vụ và giải pháp triển khai tập trung vào: Lập kế hoạch hành động phát triển nền tảng số quốc gia; Triển khai phát triển và thúc đẩy sử dụng nền tảng số quốc gia; Tổ chức đánh giá, công nhận và công bố đạt yêu cầu nền tảng số quốc gia; Thông tin, tuyên truyền, phổ biến nền tảng số quốc gia; Xây dựng, vận hành Cổng thông tin nền tảng số quốc gia.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định số 40/QĐ-BKHĐT về công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và hủy công khai trong lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước kèm theo danh mục thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và hủy công khai trong lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Cụ thể, ban hành 04 thủ tục hành chính mới gồm: Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; điều chỉnh chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; điều chỉnh quyết định chủ trương thực hiện và quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án; trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi.

Sửa đổi, bổ sung 14 thủ tục hành chính, trong đó 10 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gồm: Tham gia chương trình, dự án khu vực;

trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung; trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách trung ương cho Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Chính phủ; quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A; lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; trình tự, thủ tục quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Sửa đổi, bổ sung 04 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan chủ quản gồm: Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản; lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án; lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng; lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm.

Quyết định cũng hủy bỏ 07 thủ tục hành chính gồm: Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng (cấp Trung ương); quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản; trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung của Bộ Tài chính; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; lập, thẩm định quyết định đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản; lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (cấp tỉnh); lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại (cấp tỉnh).

Nguồn: baohinhphu.vn

ĐỘNG THÁI MẠNH MẼ, QUYẾT LIỆT

Ngay trong tuần làm việc đầu tiên của xuân Nhâm Dần, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết, Chỉ thị, Công điện yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương triển khai hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Đây là động thái mạnh mẽ và quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ ngay sau chuyến công tác “xuyên Tết, xuyên Việt”.

Làm việc nào dứt điểm việc đó

Với tinh thần "Làm việc nào dứt việc đó" Công điện 126/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ: Trong Quý I này, các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương rà soát, xây dựng danh mục và mức vốn dự kiến bố trí thuộc Chương trình cho từng nhiệm vụ, dự án trong 02 năm 2022 - 2023 và từng năm 2022, 2023 thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp theo quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương có liên quan hướng dẫn thực hiện hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng một số cơ chế đặc thù tại Điều 5 Nghị quyết số 43/2022/QH15 để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư thuộc Chương trình.

Đồng thời với việc bố trí vốn đầy đủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng tình hình thực hiện và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của các Bộ, cơ quan, địa phương. Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu người đứng đầu các Bộ, ngành, địa phương trực tiếp chỉ đạo tập trung triển khai thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá; chủ động, kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trước đó, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã ký ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 08/02/2022 về việc đôn đốc, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Ngày 11/02, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 18/NQ-CP triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ quyết định chỉ định thầu trong 2 năm 2022 và 2023 đối với gói thầu xây lắp các dự án thành phần, kèm theo yêu cầu tiết kiệm tối thiểu 5% giá trị dự toán gói thầu (không bao gồm chi phí dự phòng) và các gói thầu quan trọng khác nếu thấy cần thiết về tư vấn liên quan đến dự án, gói thầu phục vụ di dời hạ tầng kỹ thuật, gói thầu thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư, trên cơ sở đề xuất của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và kết quả thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Để không "Mất tiền, mất thời gian, mất cán bộ"?

Một trong những trở ngại của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính trong chuyến công tác "xuyên Việt, xuyên Tết" kéo dài 3 ngày để thị sát, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn công trình xây dựng cao tốc Bắc - Nam và sân bay quốc tế Long Thành là không để xảy ra tình trạng "mất tiền, mất thời gian, mất cán bộ".

Trên công trường thi công sân bay quốc tế Long Thành, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã nêu rất rõ ràng thông điệp. Cụ thể: 1) Chống tham nhũng, tiêu cực; 2) Chống lợi ích nhóm; 3) Chống thông thầu.

Cảnh báo nguy cơ "mất thời gian, mất tiền, mất cán bộ", Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh yêu cầu: Tất cả vì lợi ích quốc gia, dân tộc, làm việc thật, hiệu quả thật, để nhân dân được thụ hưởng thật.

Thời gian qua, đã có nhiều bài học đau xót từ việc triển khai dự án cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và không ít công trình trọng điểm quốc gia, nên ngay trong các chỉ thị, công điện, đầu xuân mới, của Thủ tướng Chính phủ đều nhấn mạnh cần phải tăng tốc độ, không lãng phí thời gian, song không được làm ẩu, làm đôi phó, phải đảm bảo quy trình kỹ thuật, chất lượng công trình, nhất là không được tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, quân xanh, quân đỏ.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chấp thuận đối với các gói thầu xây lắp các dự án thành phần của cao tốc Bắc - Nam.

Bộ Công an chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với các địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng, bảo đảm an ninh, trật tự và phối hợp, hỗ trợ Bộ Giao thông vận tải trong suốt quá trình thực hiện dự án, thi công xây dựng công trình.

Một loạt chỉ đạo, hành động mạnh mẽ, quyết liệt, trong dịp Tết cổ truyền dân tộc và những ngày đầu xuân Nhâm Dần của Thủ tướng Chính phủ được dư luận xã hội rất quan tâm và hoan nghênh.

Mong rằng, với tinh thần trên của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp bắt tay ngay vào công việc, tổ chức triển khai thực chất, hiệu quả, không để "tháng giêng thong thả", "tháng giêng là tháng ăn chơi"...

Nguồn: baohinhphu.vn

NGÀNH XÂY DỰNG: NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH TRÊN NỀN TẢNG KINH TẾ SỐ

Đây là một trong những nhóm nhiệm vụ trọng tâm được đề cập tại Chương trình hành động của ngành Xây dựng trong thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ (Chương trình hành động ngành Xây dựng năm 2022).

Tại Quyết định số 28/QĐ-BXD ngày 20/01/2022, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị đã ban hành Chương trình hành động ngành Xây dựng năm 2022. Chương trình nêu rõ 9 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và 6 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP.

Một trong những nhóm nhiệm vụ trọng tâm được đề cập trong Chương trình, nhằm thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP là nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành Xây dựng dựa trên nền tảng kinh tế số.

Cụ thể, Bộ trưởng chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ xây dựng chiến lược phát triển ngành đến năm 2030; Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đầu tư công; nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch; Khẩn trương, quyết liệt, hiệu quả trong công tác chuẩn bị đầu tư; Tập trung tháo gỡ vướng mắc, tăng cường hiệu quả tổ chức thực hiện theo nguyên tắc hậu kiểm, phân đầu giải ngân hết 100% kế hoạch vốn đầu tư công.

Bộ trưởng đồng thời yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả đầu tư, chất lượng công trình xây dựng; Nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giảm thiểu sự cố.

Bên cạnh đó, nghiên cứu, đề xuất, xây dựng hệ thống công cụ mới phục vụ việc xác định và quản lý chi phí; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn về vật liệu xây dựng, quy hoạch, xây dựng công trình, nhà ở đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu.

Trong quản lý vật liệu xây dựng, Bộ trưởng yêu cầu các đơn vị phổ biến và triển khai hiệu quả “Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050”, “Chương trình phát triển vật liệu xây không nung tại Việt Nam đến năm 2030” và đề án An ninh kinh tế trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

Trong công tác quản lý phát triển doanh nghiệp, Bộ Xây dựng sẽ phê duyệt, triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị, Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, trọng tâm là công tác cổ phần hóa. Thực hiện thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu theo kế hoạch được duyệt và tập trung tái cơ cấu, thoái vốn đối với Tổng công ty cổ phần Sông Hồng, Tổng công ty Cơ khí xây dựng - Công ty cổ phần.

Đối với các đơn vị sự nghiệp, Bộ Xây dựng tiếp tục hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ Đề án “Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng”; Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các giải pháp đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Xây dựng theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW; Đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP, Chương trình hành động của ngành Xây dựng năm 2022 cũng nêu rõ 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong đó có nhóm nhiệm vụ đẩy mạnh các giải pháp chuyển đổi số đồng bộ với thực hiện cải cách hành chính.

Theo đó, Bộ Xây dựng thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số tại “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và “Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” đồng bộ với thực hiện cải cách hành chính; nhấn mạnh các giải pháp tăng mức độ sẵn sàng thích ứng với nền sản xuất mới trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Bộ Xây dựng tăng cường cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh gắn với đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương và kiểm tra, giám sát; Tiếp tục rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ trên mọi lĩnh vực; gắn cải cách thủ tục hành chính với xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số.

Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa Bộ Xây dựng.

Tiếp nhận, xử lý kịp thời, hiệu quả phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, người dân về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh và công khai kết quả xử lý trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025; thực thi Phương án đơn giản hóa sau khi được phê duyệt...

Nguồn: baovaydung.com.vn

NGÀNH HẢI QUAN: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC, HƯỚNG TỚI PHI GIẤY TỜ NĂM 2022

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan Nguyễn Văn Cẩn ký ban hành Chỉ thị số 384/CT-TCHQ về việc đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hải quan hướng tới hải quan phi giấy tờ năm 2022.

Theo Chỉ thị, Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai các nội dung trọng tâm: Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin ngành Hải quan tiên tiến, hiện đại, hướng tới mô hình hải quan số, hải quan thông minh với mức độ số hóa và tự động hóa cao đáp ứng yêu cầu thủ tục hải quan được thực hiện hoàn toàn trên môi trường số (phi giấy tờ), mọi lúc, mọi nơi và trên mọi phương tiện; quản lý tự động các hoạt động nghiệp vụ hải quan trên môi trường số trong toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hải quan cả trước, trong và sau thông quan.

Tăng cường thực hiện việc trao đổi, kết nối và chuyển đổi số đối với các dữ liệu, chứng từ thuộc hồ sơ hải quan từ Hệ thống Một cửa quốc gia và hệ thống quản lý chuyên môn đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của các Bộ, ngành với Hệ thống xử lý dữ liệu của ngành Hải quan.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa ASEAN; tự động kết nối, trao đổi dữ liệu giữa Hệ thống Cơ chế một cửa ASEAN với hệ thống CNTT của ngành Hải quan.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ.

Nâng cao hiệu suất, hiệu quả sử dụng hệ thống máy soi, camera, seal điện tử và các trang thiết bị phục vụ kiểm tra, giám sát hải quan. Trao đổi, kết nối kết quả kiểm tra, soi chiếu với Hệ thống xử lý dữ liệu trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Vận hành có hiệu quả Hệ thống Cơ chế một cửa quốc gia theo nhiệm vụ phân công tại các Nghị quyết của Chính phủ; tổ chức triển khai công tác cải cách toàn diện công tác quản lý và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hướng cơ quan Hải quan là đầu mối thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 13/11/2020 của Chính phủ và Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được thực hiện thủ tục hải quan theo phương thức điện tử: Hồ sơ hải quan được nộp cho cơ quan Hải quan qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử theo dạng dữ liệu điện tử hoặc chứng từ giấy được chuyển đổi sang chứng từ điện tử (bản scan có xác nhận bằng chữ ký số), doanh nghiệp không phải nộp các chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan cho cơ quan Hải quan (trừ các trường hợp phải nộp chứng từ bản chính, chứng từ bản gốc theo quy định của các bộ, ngành). Chứng từ điện tử phải đảm bảo tính toàn vẹn và khuôn dạng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Cuối cùng là thực hiện niêm yết, công khai đầy đủ nội dung của các thủ tục hành chính tại nơi làm thủ tục hải quan theo quy định.

Thực hiện được các nội dung này sẽ đạt được mục tiêu cải cách hiện đại hóa giai đoạn 2021 - 2030 và hoàn thiện môi trường làm việc điện tử (phi giấy tờ) trong công tác quản lý nhà nước về hải quan; xây dựng nền tảng Hải quan số dựa trên ứng dụng dữ liệu lớn (big data); hướng tới kết nối với các bên thông qua việc chia sẻ dữ liệu và các nền tảng số hóa để tạo các dịch vụ Hải quan số; ứng dụng tối đa các công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để chủ động phấn đấu là đơn vị đi đầu trong kế hoạch chung về chuyển đổi số của Chính phủ...

Nguồn: qdnd.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Nội vụ đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định của Chính phủ về cán bộ, công chức, viên chức, trong đó, đề xuất một số quy định mới về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.**

Theo đó, dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.

Cụ thể, dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều 3 "Trường hợp công chức được hưởng chế độ thôi việc" như sau:

Công chức được hưởng chế độ thôi việc quy định tại Nghị định này trong các trường hợp sau: 1. Theo nguyện vọng và được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý. 2. Do 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều 58 Luật Cán bộ,

công chức. 3. Công chức có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên nghỉ hưu trước tuổi theo nguyện vọng.

Như vậy, dự thảo bổ sung đối tượng 3 là đối tượng công chức có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi để thực hiện chủ trương khuyến khích nghỉ hưu trước tuổi đối với công chức, theo đó đối với trường hợp này không thuộc đối tượng tinh giản biên chế như Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế. Đồng thời, bước đầu thực hiện đối với đối tượng là công chức, khi ổn định về chính sách sẽ đánh giá tác động, xem xét, sửa đổi, bổ sung để áp dụng chính sách tương tự đối với đội ngũ viên chức.

Đối với đội ngũ công chức cấp xã trước mắt chưa xem xét bổ sung để thực hiện chế độ khuyến khích nghỉ hưu trước tuổi để bảo đảm tính ổn định của đội ngũ này.

Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều 5 về "trợ cấp thôi việc" như sau:

1. Công chức thôi việc theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 Nghị định này được hưởng trợ cấp thôi việc như sau: Cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có). Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 tháng lương hiện hưởng.

2. Công chức nghỉ hưu trước tuổi theo nguyện vọng quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này thì ngoài chế độ trợ cấp thôi việc quy định tại khoản 1 Điều này và chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội còn được hưởng các chế độ sau: a) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động; b) Được nâng bậc lương, nâng ngạch trước thời hạn, cụ thể như sau: Công chức chưa xếp bậc lương cuối cùng ở ngạch hiện giữ mà trong thời gian giữ bậc luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật và tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi còn thiếu từ 01 đến 12 tháng để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu. Công chức đang hưởng bậc lương cuối cùng hoặc đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch hiện giữ, đã có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, không bị kỷ luật trong thời gian 3 năm cuối trước khi nghỉ hưu thì được nâng ngạch không qua thi lên ngạch trên liền kề để nghỉ hưu.

Bộ Nội vụ cho biết đây là những chính sách khuyến khích thêm đối với công chức nghỉ hưu trước tuổi theo nguyện vọng, theo đó ngoài chính sách theo quy định tại Khoản 1 (như trợ cấp thôi việc đối với các đối tượng hiện hành, đồng thời tương tự với chính sách quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nhưng tính trực tiếp theo năm công tác, bảo đảm tính công bằng, theo đó nếu công tác nhiều năm hơn thì sẽ hưởng trợ cấp nhiều hơn) thì còn được hưởng thêm các chính sách theo quy định tại khoản này mà đối tượng thôi việc và không hoàn thành nhiệm vụ không được áp dụng.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.**

Dự thảo quy định rõ việc xác định số tiền phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng phải thu.

Theo đó, căn cứ xác định số tiền phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng phải thu là tổng mức đầu tư và mức thu, cụ thể như sau:

Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	=	Tổng mức đầu tư	x	Mức thu
--	---	-----------------	---	---------

Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thì tổng mức đầu tư tính theo giá trị đề nghị thẩm định.

Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định thuộc người quyết định đầu tư thẩm định thì tổng mức đầu tư tính theo giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt.

Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng phải thu đối với một dự án đầu tư được xác định theo hướng dẫn trên nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng/dự án.

Đối với dự án đầu tư xây dựng có quy mô lớn hoặc có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng sử dụng vốn khác, mức thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư này.

Về thẩm định điều chỉnh dự án: Khi thẩm định điều chỉnh, cơ quan thẩm định đã có thông tin về dự án khi thẩm định lần đầu, theo đó, chi phí thẩm định điều chỉnh sẽ tiếp giảm về thời gian, cán bộ phục vụ thẩm định... Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất 02 phương án:

Phương án 1: Phí thẩm định toàn bộ các nội dung của dự án sau khi điều chỉnh tính bằng 100% mức phí thẩm định lần đầu; thẩm định một hoặc một số nội dung được điều chỉnh tính bằng 50% mức phí thẩm định lần đầu.

Phương án 2: Phí thẩm định toàn bộ các nội dung của dự án sau khi điều chỉnh tính bằng 50% mức phí thẩm định lần đầu; thẩm định một hoặc một số nội dung được điều chỉnh tính bằng 30% mức phí thẩm định lần đầu.

Để giảm chi phí cho người nộp, Bộ Tài chính chọn Phương án 2.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, thay thế Thông tư số 172/2016/TT-BTC.**

Bộ Tài chính cho biết, Bộ Xây dựng đã có công văn đề xuất sửa đổi, bổ sung 02 nội dung chính như sau:

Thứ nhất, bổ sung thu lệ phí đối với hoạt động điều chỉnh hạng, gia hạn chứng chỉ hành nghề xây dựng.

Tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC quy định về mức thu lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: a) Mức thu lệ phí cấp lần đầu: 1.000.000 đồng/chứng chỉ/tổ chức; 300.000

đồng/chứng chỉ/cá nhân; b) Mức thu lệ phí cấp lại, cấp bổ sung, điều chỉnh, chuyển đổi bằng 50% mức thu lệ phí tại điểm a.

Bộ Xây dựng đề nghị bổ sung cấp "điều chỉnh hạng" vào điểm a và cấp "gia hạn" vào điểm b Khoản 1 Điều 4 nêu trên.

Do vậy, tại dự thảo Thông tư, Bộ Tài chính bổ sung cấp "điều chỉnh hạng", cấp "gia hạn" chứng chỉ hành nghề xây dựng.

Căn cứ bổ sung là tại Khoản 1 Điều 63 và kKhoản 1 Điều 84 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP bổ sung quy định thủ tục về: Điều chỉnh hạng và gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức và chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân; so với quy định Nghị định số 59/2015/NĐ-CP trước đó.

Thứ hai, bổ sung lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

Bộ Xây dựng đề nghị bổ sung mức thu lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư cho cá nhân: Cấp lần đầu là 300.000 đồng/chứng chỉ; cấp lại, gia hạn, công nhận, chuyển đổi bằng 50% mức lệ phí cấp lần đầu.

Tại Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

Theo đó, dự thảo Thông tư bổ sung quy định: "3. Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư quy định như sau: a) Lệ phí cấp lần đầu: 300.000 đồng/chứng chỉ; b) Lệ phí cấp lại, gia hạn, công nhận, chuyển đổi bằng 50% mức thu lệ phí tại điểm a".

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ.**

Dự thảo bổ sung quy định về trách nhiệm khai thuế, nộp thuế của chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử (bổ sung điểm k Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP).

Theo đó, tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân (bao gồm cả trong nước và nước ngoài) có phát sinh bán hàng hóa, dịch vụ thông qua sàn như sau:

Đối với hàng hóa, dịch vụ được bán thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn thì tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử có trách nhiệm đại diện cho người bán là cá nhân (bao gồm cả trong nước và nước ngoài) để khai thuế, nộp thuế thay cho cá nhân.

Đối với hàng hóa, dịch vụ được bán không thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn thì tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho người bán là cá nhân (bao gồm cả trong nước và nước ngoài) trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng bổ sung quy định về trách nhiệm của chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử trong việc cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thuế (bổ sung Khoản 8 Điều 27).

Cụ thể, tổ chức là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán

hàng hóa, dịch vụ trên sàn thương mại điện tử bao gồm: Tên người bán hàng, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu, địa chỉ, số điện thoại liên lạc; doanh thu bán hàng thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn (nếu chủ sở hữu sàn không thực hiện khai thay, nộp thay thuế cho người bán).

Việc cung cấp thông tin được thực hiện định kỳ hằng quý chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau. Tổ chức là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có thể cung cấp thông tin bằng phương thức điện tử theo quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế hoặc kết nối trực tiếp với cơ quan thuế nếu đáp ứng được các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật theo định dạng chuẩn dữ liệu do Tổng cục Thuế xây dựng và công bố.

*** Bộ Xây dựng đang dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.**

Theo dự thảo, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo phải đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ trực tiếp đến từng hộ gia đình; bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng và minh bạch trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước; phù hợp với phong tục tập quán của mỗi dân tộc, vùng, miền, bảo tồn bản sắc văn hóa của từng dân tộc; phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; góp phần thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

Đồng thời, huy động từ nhiều nguồn vốn để thực hiện, kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân cùng làm. Thực hiện hỗ trợ theo nguyên tắc nhà nước hỗ trợ theo phương thức trực tiếp một phần và cho vay vốn để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở với lãi suất ưu đãi, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở.

Sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình phải xây dựng được nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² (đối với những hộ độc thân không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 18 m²) và "3 cứng" (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng); tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên. Nhà ở phải đảm bảo an toàn khi xảy ra bão, tố, lốc.

Hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở (bao gồm xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có yêu cầu) và chỉ được chuyển nhượng sau khi đã trả hết nợ vay (cả gốc và lãi) cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng nêu rõ đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg phải đảm bảo có đủ các điều kiện sau: 1. Là hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn huyện nghèo, được xác định tiêu chí nghèo theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ về quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định số 90/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Quyết định số 90/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm. 2. Hộ chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở

quá tạm bợ, hư hỏng, đột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở. 3. Hộ chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác. 4. Trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau: Nhà ở đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra như: Bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hỏa hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 10 năm trở lên tính đến thời điểm Quyết định số 90/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành nhưng nay nhà ở đã hư hỏng, đột nát, có nguy cơ sụp đổ.

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 17/2013/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho biết, Thông tư số 17/2013/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh được ban hành ngày 16/7/2013 trên cơ sở quy định tại các nguồn luật như Pháp lệnh Ngoại hối, Nghị định số 219/2013/NĐ-CP quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài; Nghị định 90/2011/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Tuy nhiên, nghị định của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp trước đây đã được thay thế bằng Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (Nghị định 153/2020/NĐ-CP); do đó, Thông tư số 17/2013/TT-NHNN cần được thay thế để đảm bảo phù hợp với cơ sở pháp lý ban hành tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP.

Dự thảo đề xuất bỏ toàn bộ các quy định về thủ tục thẩm định khoản phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại nhà nước.

Hiện nay, Nghị định 153 đã bỏ các quy định về việc thẩm định khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp nhà nước. Mặc dù bỏ quy trình thẩm định khoản phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại nhà nước, nhưng các nội dung cần thiết để xem xét phê duyệt việc phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại nhà nước cũng như các doanh nghiệp khác mà Ngân hàng Nhà nước quản lý sẽ được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn để đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật số 69/2014/QH13 quy định về quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, dự thảo bổ sung quy định về các trường hợp sẽ không phải thực hiện đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế: Nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, dự thảo Thông tư sẽ bổ sung quy định nêu rõ các trường hợp sẽ không cần thực hiện đăng ký thay đổi khoản phát hành, tương tự như quy định đối với khoản vay nước ngoài bao gồm: Thay đổi địa chỉ bên đi vay, tên Ngân hàng thương mại; trả nợ lãi, phí, ...

Dự thảo Thông tư cũng đề xuất bỏ các nội dung không liên quan đến thủ tục hành chính trong việc phát hành trái phiếu quốc tế: Sau khi khoản phát hành được đăng ký, việc sử dụng tài khoản, các giao dịch chuyển tiền liên quan, trách nhiệm báo cáo, trách nhiệm của ngân hàng

cung ứng dịch vụ tài khoản... được thực hiện như các khoản vay truyền thống khác. Do đó, để tránh trùng lặp, Thông tư này sẽ chỉ quy định về thủ tục hành chính liên quan đến quá trình phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp bao gồm: (i) Thủ tục xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế không được Chính phủ bảo lãnh; (ii) Thủ tục xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

Các nội dung quản lý ngoại hối khác (mở tài khoản, chế độ báo cáo, chuyển tiền...) được thực hiện thống nhất giống các khoản vay nước ngoài dưới hình thức và thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-NHNN hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp (và các văn bản thay thế/sửa đổi - nếu có).

Như vậy, so với Thông tư số 17/2013/TT-NHNN, dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 17/2013/TT-NHNN sẽ không còn các nội dung quy định về quyền mua ngoại tệ của Tổ chức phát hành, trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ tài khoản phát hành, quy định về mở tài khoản phát hành; quy định về cơ chế báo cáo.

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: TUYÊN TRUYỀN VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN ĐỒNG THUẬN, THAM GIA CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 50/KH-UBND về thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính Nhà nước của thành phố Hà Nội năm 2022.

Theo đó, nội dung tuyên truyền tập trung vào 3 nhóm, gồm: Tuyên truyền về quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chương trình, kế hoạch của Chính phủ, thành phố về cải cách hành chính; các hoạt động trong công tác cải cách hành chính; kết quả công tác cải cách hành chính của thành phố.

Đáng chú ý, trong tuyên truyền kết quả công tác cải cách hành chính, chú trọng các nội dung: Kết quả các Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh và chỉ số khác đo lường tính hiệu quả hoạt động của chính quyền thành phố; kết quả thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính của ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của các sở, cơ quan tương đương sở, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn, các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Tuyên truyền các sáng kiến kinh nghiệm, các mô hình mới, cách làm hay của tổ chức, tập thể trong cải cách hành chính; các tấm gương cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ứng xử văn minh, có trách nhiệm tận tụy, có tinh thần, thái độ đúng mực trong phục vụ Nhân dân. Các ý kiến đề xuất, góp ý, phát hiện, hiến kế... của các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, quần chúng nhân dân đối với thành phố và các cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác cải cách hành chính; việc tiếp thu, phản hồi ý kiến đóng góp và kết quả xử lý các kiến nghị, đề xuất của tổ chức, công dân.

Thông qua công tác tuyên truyền nhằm thông tin đầy đủ về nội dung của công tác cải cách hành chính nhà nước; phổ biến các chương trình, kế hoạch, các nhiệm vụ trọng tâm, các hoạt động về cải cách hành chính; kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính của Chính phủ, thành phố và các cơ quan, đơn vị tới người dân, doanh nghiệp, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Đồng thời, nâng cao ý thức, trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả công việc của cơ quan nhà nước; của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Nâng cao sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước; phát huy vai trò giám sát, phối

hợp của các tổ chức đoàn thể; vận động các lực lượng quần chúng nhân dân đồng thuận, hợp tác, cùng tham gia thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của thành phố.

Nguồn: kinhtedothi.vn

TP. HỒ CHÍ MINH: HƯỚNG ĐẾN CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN

Năm 2022, thành phố Hồ Chí Minh đặt mục tiêu thực hiện nhanh, hiệu quả việc chuyển đổi số, hoàn thiện chính quyền số, gắn kết với việc xây dựng thành phố trở thành thành phố thông minh...

Đồng bộ các giải pháp công nghệ

Trong các cuộc họp mới đây, lãnh đạo thành phố đã chỉ rõ 3 vấn đề lớn cần đặc biệt quan tâm: Quản trị thành phố trong tình hình mới; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và liên thông cơ sở dữ liệu trong hoạt động, vận hành công tác quản trị thành phố; từ đổi mới công tác quản trị, tìm ra những động lực mới cho tăng trưởng thành phố trong tương lai.

Theo Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Lâm Đình Thắng, năm 2022, Chương trình chuyển đổi số và Đề án xây dựng TP. Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh sẽ tiếp tục bám sát các yêu cầu nói trên của thành phố. Trong đó, tiếp tục tập trung phục vụ đặc lực cho công tác phòng, chống dịch COVID-19; thực hiện chuyển đổi số trong quản trị thành phố, sản xuất kinh doanh và tổ chức xã hội.

Theo Sở Thông tin và Truyền thông, vấn đề đặt ra là triển khai đồng bộ các giải pháp công nghệ, khai thác kho dữ liệu dùng chung trong phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Kho dữ liệu dùng chung được triển khai dựa trên 3 nguồn dữ liệu nền tảng: dữ liệu người dân; dữ liệu doanh nghiệp; dữ liệu đất đai. Trong đó, thành phố đảm bảo công tác thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu chính xác, kịp thời, để tiến hành đánh giá cấp độ dịch thường xuyên ở từng địa bàn phường, xã; xây dựng nguồn dữ liệu tin cậy, làm cơ sở dự báo để kịp thời không chế dịch hiệu quả; hỗ trợ khả năng ra quyết định dựa trên cơ sở dữ liệu.

Chuyển đổi để tăng giá trị kinh tế số

Năm 2022, TP. Hồ Chí Minh thực hiện chuyển đổi số một cách toàn diện, phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn (big data) - nhất là dữ liệu về dân cư, quy hoạch, y tế, giáo dục, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, nhà ở... phục vụ hoạt động, vận hành công tác quản trị thành phố và đời sống Nhân dân. Hiện nay, TP. Hồ Chí Minh đã triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu để kết nối chính thức nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia về kho dữ liệu dùng chung của Thành phố.

Hơn 900 đơn vị trên địa bàn thành phố, bao gồm cơ quan nhà nước, các tổng công ty, các đơn vị sự nghiệp... đã liên thông văn bản điện tử thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Các lĩnh vực giao thông, y tế, giáo dục đào tạo, môi trường, quy hoạch đô thị, an ninh trật tự cũng triển khai nhiều ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn và cung cấp dịch vụ cho người dân.

Đánh giá về nỗ lực số hóa của thành phố, bà Trần Thị Lan Hương, Chuyên gia quản trị công cao cấp Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, cho rằng: “TP. Hồ Chí Minh cần thực hiện cụ thể chuyển đổi để tăng giá trị của nền kinh tế số vì Thành phố có sức cạnh tranh tốt, khả năng phục hồi tốt hơn sau dịch Covid-19. TP. Hồ Chí Minh hiện đang xếp vị trí thứ 05/63 tỉnh, thành phố trong bảng xếp hạng chỉ số sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. TP. Hồ Chí Minh đóng góp 1/3 GDP của quốc gia, do đó TP. Hồ Chí Minh cần tiên phong hơn nữa trong chuyển đổi số”.

Tập trung xây dựng chính quyền số, ông Lâm Đình Thắng cho biết, chú trọng vào lĩnh vực cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công, mang lại các tiện lợi cho người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền - người dân và ngược lại; tích cực và đẩy nhanh hơn việc hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực; xây dựng nền kinh tế số, xã hội số có trọng tâm và chuyển đổi số tập trung các ngành, lĩnh vực ưu tiên như y tế, giáo dục....

Nguồn: sggp.org.vn

THANH HÓA: ĐƯA CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 NẪM TRONG NHÓM 10 TỈNH, THÀNH PHỐ DẪN ĐẦU CẢ NƯỚC

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định mục tiêu 'đến năm 2025, phấn đấu Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của Thanh Hóa nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước'.

Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (Chỉ số PAPI) là một bộ chỉ số đo lường khách quan về hiệu quả công tác quản trị, hành chính công và cung ứng dịch vụ công tại địa phương; dựa trên kinh nghiệm thực tiễn của người dân khi tương tác với các cấp chính quyền và trong sử dụng dịch vụ công.

Theo Báo cáo kết quả hằng năm do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) công bố, từ năm 2018 đến nay, chỉ có năm 2018 tỉnh Thanh Hóa nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có điểm cao nhất, với 45,68 điểm và xếp thứ 11/63 tỉnh, thành trong cả nước, tăng 7 bậc so với năm 2017. Các năm tiếp theo, tỉnh Thanh Hóa không duy trì, cải thiện được điểm số mà còn có xu hướng giảm dần điểm và thứ hạng không ổn định: Năm 2019, giảm 20 bậc so với năm 2018, đứng vị trí thứ 31 với 43,89 điểm; năm 2020, mặc dù tăng lên 7 bậc xếp thứ 24 cả nước, song điểm số lại giảm xuống còn 43,16 điểm.

Trong các trục nội dung cấu thành nên Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, năm 2020 tỉnh Thanh Hóa chỉ duy nhất trục nội dung Quản trị môi trường nằm trong nhóm các tỉnh có điểm cao nhất với 3,79 điểm, xếp thứ 11 cả nước, tăng 7 bậc so với năm 2019 và tăng 18 bậc so với năm 2018, nhưng giảm 0,02 điểm và giảm 0,83 điểm so với các năm 2019 và năm 2018.

Điểm số các trục nội dung Công khai minh bạch, Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, Cung ứng dịch vụ công của tỉnh Thanh Hóa năm 2020 đều nằm trong nhóm các tỉnh có điểm trung bình cao. Cụ thể, trục nội dung Công khai minh bạch xếp thứ 26 với 5,44 điểm (giảm 18 bậc và giảm 0,24 điểm so với năm 2019, giảm 20 bậc và giảm 0,26 điểm so với năm 2018); trục nội dung Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công xếp thứ 17 cả nước với 7,19 điểm (tăng 9 bậc và tăng 0,3 điểm so với năm 2019, tăng 22 bậc và tăng 0,83 điểm so với năm 2018); trục nội dung Cung ứng dịch vụ công xếp thứ 29 cả nước với 7,02 điểm (giảm 2 bậc và giảm 0,29 điểm so với năm 2019, giảm 6 bậc và giảm 0,15 điểm so với năm 2018).

Qua một số phân tích ở trên có thể nhận thấy, thứ hạng và điểm số thành phần chỉ Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của tỉnh Thanh Hóa trong những năm qua không ổn định, nhiều chỉ số thành phần như: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở, Quản trị điện tử đã 02 năm liên tục nằm ở mức trung bình thấp. Tính chung 10 năm từ 2011 đến năm 2020, Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của tỉnh Thanh Hóa chỉ tăng 0,6 điểm, thuộc nhóm thấp của cả nước.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định mục tiêu “đến năm 2025, phấn đấu Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh Thanh Hóa nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước”. Theo đó, để đạt được mục tiêu đã đề ra, yêu cầu đặt ra đối với mỗi cơ quan, đơn vị và mỗi cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thanh Hóa phải không ngừng đổi mới tư duy, tác phong, lề lối làm việc, nâng cao tinh thần và ý thức phục vụ Nhân dân, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số hiệu quả Quản trị và hành chính công.

Trong đó, nhấn mạnh phải tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm như: Các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh Thanh Hóa cần tiếp tục rà soát, đối chiếu các trục nội dung, tiêu chí thành phần thấp điểm thuộc phạm vi, lĩnh vực, trách nhiệm của đơn vị mình để xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế tại từng địa phương; Chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu, cần tiếp tục chú trọng thực hiện tốt công tác tiếp công dân và doanh nghiệp định kỳ.

Tạo điều kiện để người dân được tham gia, có ý kiến đề xuất vào các hoạt động của chính quyền các cấp; Đẩy mạnh công khai, minh bạch tại các đơn vị, địa phương, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến kết quả thu, chi ngân sách hàng năm, nhất là ở cấp xã; Rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để giải quyết nhanh các thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp...

Nguồn: taichinhdoanhnghiep.net.vn

NGHỆ AN: ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tỉnh Nghệ An đang rất ráo triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử của Chính phủ theo đúng lộ trình đề ra. Đây là bước đi quan trọng nhằm phục vụ chuyển đổi số quốc gia của Chính phủ cũng như thực hiện định hướng chuyển đổi số mạnh mẽ đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thống nhất chủ trương, định hướng.

5 nhóm tiện ích

Vừa qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND về việc thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Kế hoạch được ban hành nhằm kịp thời triển khai ứng dụng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để phục vụ 5 nhóm tiện ích, bao gồm: Giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ công dân số; hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư; phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An yêu cầu Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi có hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, phối hợp Công an tỉnh khẩn trương hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thực hiện tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư với Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, dự kiến hoàn thành trong Quý I/2022.

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong tháng 3/2022 thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu, cập nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ và sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Kèm theo đó là 25 thủ tục hành chính thiết yếu ưu tiên, tích hợp chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính như: Cấp lại, đổi thẻ căn cước công dân; đăng ký thường trú, tạm trú; khai báo tạm vắng; thông báo lưu trú; đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy; đăng ký khai sinh; đăng ký kết hôn; đăng ký thuế lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân; đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT

Quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng; giải quyết trợ cấp thất nghiệp... sẽ được tỉnh triển khai ngay trong năm 2022.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An sẽ thành lập Tổ công tác triển khai Kế hoạch trên địa bàn tỉnh Nghệ An do Giám đốc Công an tỉnh làm Tổ trưởng, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh làm Tổ phó, đồng chí Phó Giám đốc Công an tỉnh phụ trách lĩnh vực làm Tổ phó thường trực, thành viên tổ công tác là đại diện lãnh đạo các sở, ngành có liên quan.

Trước đó, ngày 18/01, Chính phủ tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đề án được đánh giá là có ý nghĩa rất quan trọng trong phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia, mang lại nhiều lợi ích trước mắt và lâu dài xây dựng Chính phủ điện tử, hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2022 - 2030.

Tại Hội nghị được kết nối từ Văn phòng Chính phủ đến cấp các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện và cấp xã này, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã yêu cầu các đồng chí Bí thư cấp ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quan tâm chỉ đạo quyết liệt để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tăng cường kiểm tra, đôn đốc trực tiếp đến tận cơ sở để tháo gỡ ngay vướng mắc, khó khăn phát sinh; đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong quá trình thực hiện Đề án. Các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương đẩy mạnh các dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt là 25 dịch vụ công thiết yếu để phục vụ người dân và doanh nghiệp đã được xác định trong Đề án.

Sẽ ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số

Trong bối cảnh đó, trước yêu cầu cấp bách của sự phát triển, ngay từ đầu nhiệm kỳ khóa XIX, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã dành thời lượng xứng đáng trong chương trình làm việc để bàn, thống nhất các nghị quyết, chương trình, đề án cụ thể hóa Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đặc biệt là công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021, về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021 - 2030, đồng thời lấy chủ đề cải cách hành chính năm 2022 là “chuyển đổi số”.

Cùng với đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thông qua Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong đó có một nội dung hết sức trọng điểm là sẽ ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Hiện nay, các cơ quan tham mưu đang xây dựng dự thảo, lấy ý kiến trước khi hoàn thiện trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, ban hành ngay trong năm nay. Theo đó, dự kiến Nghị quyết sẽ đề ra các mục tiêu, giải pháp rất cụ thể để thực hiện chuyển đổi số đến năm 2025 và 2030 trên các lĩnh vực như: Hạ tầng số, chính quyền số, kinh tế số, đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

Điều này cho thấy quyết tâm mạnh mẽ, quyết liệt của lãnh đạo tỉnh nhằm tạo đột phá đối với việc chuyển đổi số, xem đây là động lực rất quan trọng cho sự phát triển. Vì, thực tế cho thấy, những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền tỉnh Nghệ An đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử; triển khai Đề án xây dựng Chính phủ điện tử tại Nghệ An giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2025.

Tuy vậy, những kết quả đạt được mới chỉ đặt nền móng bước đầu cho quá trình chuyển đổi số. Việc xây dựng chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, kinh tế số và xã hội số vẫn còn nhiều hạn chế. Cơ sở hạ tầng mạng thông tin của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh còn yếu và chưa đồng bộ, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa. Người dân, doanh nghiệp vẫn chưa quan tâm, sử dụng các hệ thống dịch vụ công; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4, nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu, cơ sở dữ liệu dùng chung... chưa đạt mục tiêu.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số, tại Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An khóa XIX, đồng chí Thái Thanh Quý - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khẳng định: Tỉnh Nghệ An cần có một nghị quyết để tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, bố trí nguồn lực thực hiện; cùng với sự ủng hộ, giúp đỡ của Bộ Thông tin và Truyền thông để tỉnh Nghệ An có thể bắt nhịp được, có những kết quả tốt hơn trong chuyển đổi số vì đây là xu thế tất yếu cho quá trình phát triển.

Nguồn: baonghean.vn

KHÁNH HÒA: SỞ TƯ PHÁP PHẤN ĐẤU ĐẠT MỨC ĐỘ HÀI LÒNG TRÊN 83%; SỞ TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ

*** Sở Tư pháp: Phấn đấu đạt mức độ hài lòng trên 83%**

Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022, Sở Tư pháp phấn đấu tiếp tục hoàn thiện và minh bạch hóa hệ thống quy định, chính sách về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công.

Đặc biệt, sở tiếp tục triển khai toàn diện, hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, đẩy mạnh dịch vụ hành chính công trực tuyến. Trong đó, phấn đấu 100% hồ sơ được giải quyết sớm và đúng hạn; rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; tiếp tục đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và thanh toán phí, lệ phí trực tuyến đối với hồ sơ cấp phiếu lý lịch tư pháp để đạt chỉ tiêu Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính công bố trực tuyến đạt từ 30% trở lên. Sở cũng tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật; rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ gắn với cơ cấu lại đội

ngũ công chức, viên chức; đổi mới cơ chế quản lý đối với đơn vị sự nghiệp, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công...

Sở Tư pháp phấn đấu đạt mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của sở và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở đều trên 83%.

*** Sở Tài chính: Chuyển đổi số để nâng cao chất lượng phục vụ**

Năm 2021, Sở Tài chính nỗ lực thực hiện cải cách hành chính trên nhiều phương diện, trong đó chú trọng gắn cải cách hành chính với chuyển đổi số nhằm nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về tài chính ngân sách.

Ứng dụng phần mềm nhắc việc riêng

Trong thời gian đầu năm tài chính, nhất là sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, các hồ sơ, công việc phát sinh nhiều hơn. Nhằm tránh tối đa hồ sơ tồn đọng, ngay từ ngày đầu đi làm lại, tất cả cán bộ, công chức của sở đều xử lý công việc rất trôi chảy, không để gián đoạn và không bỏ sót phần việc nào, dù là nhỏ nhất. Theo lãnh đạo Văn phòng sở, có được điều đó một phần do việc chủ động đôn đốc nhắc nhở công việc định kỳ từ “Phần mềm nhắc việc riêng” được sở tham mưu xây dựng từ năm 2020, nghiệm thu đưa vào sử dụng từ đầu năm 2021. Phần mềm kế thừa dữ liệu trực tiếp từ hệ thống quản lý văn bản của tỉnh (E-office). Tất cả văn bản có giao hạn xử lý và những công việc được lãnh đạo sở giao có ấn định thời hạn đều được phần mềm theo dõi, trích xuất dữ liệu định kỳ theo yêu cầu (ngày, tuần, quý...). Qua đó, đã mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, điều hành công việc tại sở. Hiện nay, sở tiếp tục nghiên cứu tham mưu xây dựng các phần mềm ứng dụng tương tự trong công tác quản lý tài sản công, quản lý xe công và phần mềm lập dự toán ngân sách tỉnh.

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính luôn là vấn đề được Đảng ủy, Ban Giám đốc sở quan tâm chỉ đạo. Hiện nay, Ban Giám đốc sở đều sử dụng chữ ký số để phê duyệt, chỉ đạo điều hành trong công việc; 100% cán bộ, công chức trong đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản E-office và hộp thư công vụ điện tử để trao đổi công việc, tạo thuận tiện trong việc tra cứu công văn đi và đến. Toàn bộ 25 thủ tục hành chính của sở đều được công bố và áp dụng ISO TCVN 9001:2015 theo đúng quy định, các quy trình được công khai trên cổng dịch vụ hành chính công của tỉnh, thống nhất với các quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính. Nhờ vậy, trong năm 2021, hồ sơ trực tuyến gửi đến sở chiếm tỷ lệ rất cao. Theo báo cáo, tổng số hồ sơ đã tiếp nhận năm 2021 là 1.830 hồ sơ, trong đó có 1.723 hồ sơ trực tuyến, 107 hồ sơ nộp trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính. Sở đã giải quyết trước hạn cho 107 hồ sơ, đúng hạn 1.723 hồ sơ, không có hồ sơ quá hạn.

Nỗ lực nâng cao chỉ số hài lòng

Theo quyết định về việc phê duyệt, công bố chỉ số và xếp hạng kết quả cải cách hành chính năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Sở Tài chính được xếp hạng tốt với Chỉ số cải cách hành chính đạt 96,26%, là đơn vị dẫn đầu khối các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mặt khác, Sở Tài chính luôn quan tâm, chỉ đạo, thực hiện rà soát, tháo gỡ những vướng mắc về thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết công việc, khắc phục những hạn chế để nâng cao chỉ số hài lòng của khách hàng. Qua khảo sát lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của 130 đơn vị khách hàng, kết quả chỉ số hài lòng đạt 85,56%, tăng 2,4% so với năm 2020. Theo bà Trần Thị Thanh Hoài, công chức Văn phòng Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa, cùng là đơn vị trong ngành tài chính, Cục Hải quan thường xuyên có các thủ tục, hồ sơ giao dịch với Sở Tài chính và đều được sở phối hợp giải quyết, xử lý kịp thời. Đặc biệt, trong đợt cao điểm cuối năm tài chính, mặc dù các đơn vị giao dịch với số lượng hồ sơ, hóa đơn nhiều nhưng Sở Tài chính đều có phương án bố trí cán bộ giải quyết nhanh, gọn, đúng quy định.

Giám đốc Sở Tài chính Vĩnh Thông cho biết, sở luôn đặt ra nhiệm vụ trọng tâm là “Sự hài lòng của các tổ chức, cá nhân là mục tiêu phục vụ của cơ quan, nhà nước”, từ đó nỗ lực phấn đấu nâng cao chỉ số mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của sở. Năm 2022, sở phấn đấu chỉ số hài lòng phải đạt hơn 83%; tiếp tục giữ kết quả xếp hạng cải cách hành chính loại tốt và nằm trong 5 đơn vị đứng đầu của tỉnh.

Để đạt được mục tiêu trên, sở đã triển khai xây dựng kế hoạch cải cách hành chính với các giải pháp, nhiệm vụ, sản phẩm hoặc kết quả đạt được, tiến độ thực hiện đối với từng nhiệm vụ được phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho từng phòng. Trong đó, sở đặc biệt chú trọng việc rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm giấy tờ, hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết thực tế so với quy định thủ tục hành chính; rà soát, ghép liên thông các thủ tục hành chính có liên hệ chặt chẽ với nhau để cho phép người dân, tổ chức, doanh nghiệp chỉ nộp hồ sơ một lần nhưng có thể giải quyết đồng thời nhiều yêu cầu công việc; triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa các cấp... Đồng thời, đơn vị đẩy mạnh việc nghiên cứu, áp dụng sáng kiến, mô hình cải cách hành chính và các giải pháp đột phá nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện cải cách hành chính.

Nguồn: baokhanhhoa.vn

ĐỒNG NAI: ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, năm 2022, tỉnh Đồng Nai tiếp tục triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Trong đó, đẩy mạnh triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh và Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh theo Quyết định số 5003/QĐ-UBND đã phê duyệt.

Theo đó, chương trình này đặt ra nhiều mục tiêu cụ thể như: đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin vận hành thông suốt, kết nối, chia sẻ dữ liệu với tối thiểu 50% cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do các cơ quan, đơn vị, địa phương đang quản lý; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công mức độ 3 và 4; 100% các

dịch vụ công trực tuyến có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến các hồ sơ thủ tục hành chính đạt tối thiểu 20% tại cấp sở.

Đồng thời, phấn đấu 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước, hồ sơ đặc thù). Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong năm 2022 đạt tối thiểu 30% tại cấp tỉnh; đưa vào khai thác kết quả số hóa phục vụ cải cách thủ tục hành chính. 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý...

Để đạt được những mục tiêu trên, cũng theo Ủy ban nhân dân tỉnh, Đồng Nai xác định các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021 - 2025 như: đảm bảo các hạ tầng nền tảng phát triển chính quyền điện tử của tỉnh; xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu nội bộ; hoàn thiện các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý nội bộ và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Cùng với đó, tiếp tục duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 119/2014/QĐ-TTg đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Tiếp tục kiện toàn, nâng cấp trang thông tin cải cách hành chính, trang thông tin điện tử các đơn vị, địa phương để cập nhật, cung cấp, công khai thông tin về cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp...

Nguồn: baodongnai.com.vn

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THỂ CHẾ VĂN HÓA CÔNG VỤ Ở VIỆT NAM

Văn hóa công vụ là loại hình văn hóa gắn với tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước nên được điều chỉnh bằng những công cụ pháp lý nhất định. Hoạt động xây dựng và thực hiện các quy định về văn hóa công vụ bị chi phối bởi nhiều yếu tố như văn hóa dân tộc, bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội. Thực tế cho thấy, các quy định về văn hóa công vụ hiện nay còn tản mạn trong nhiều văn bản pháp luật, thiếu chế tài hoặc chế tài yếu dẫn đến việc vận dụng xử lý các vi phạm thiếu thống nhất. Nhận diện đầy đủ những hạn chế, thiếu sót, từ đó có các giải pháp hữu hiệu để hoàn thiện thể chế văn hóa công vụ ở Việt Nam hiện nay là cơ sở để nâng tầm văn hóa công vụ trong giai đoạn tới.

Tại Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ, trong đó nêu rõ mục tiêu: nâng cao văn hóa công vụ, góp phần hình thành phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ; đáp ứng nhu cầu phục vụ nhân dân, xã hội. Như vậy, việc xây dựng và thực hiện văn hóa công vụ ngày càng trở thành đòi hỏi cấp thiết, được tiếp cận như một giải pháp mang tính chủ động.

1. Khái quát về văn hóa công vụ và thể chế văn hóa công vụ

Công vụ “là hoạt động mang tính quyền lực - pháp lý được thực thi bởi đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước hoặc những người khác khi được nhà nước trao quyền nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong quá trình quản lý toàn diện các mặt hoạt động của đời sống xã hội”(1). Trong bất kỳ hoạt động nào, văn hóa cũng là phần tạo nên giá trị cốt lõi, vì thế, văn hóa công vụ có vai trò đặc biệt quan trọng. Vì, gắn với tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước nên văn hóa công vụ “được xem là một hệ thống biểu tượng, chuẩn mực, giá trị, niềm tin hình thành trong nhận thức, tạo nên tầm nhìn, tác động đến hành vi và lề lối làm việc, cách sống của người thực thi công vụ, của môi trường tổ chức, có khả năng lưu truyền và ảnh hưởng tới chất lượng công vụ”(2).

Về bản chất, văn hóa công vụ thể hiện những chuẩn mực, cách thức ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức với nhau và với Nhân dân trong các quan hệ liên quan tới công vụ. Và như thế, đạo đức công vụ chính là phần quan trọng, không thể thiếu trong văn hóa công vụ. Do đặc trưng của hoạt động công vụ nên khi thực thi nhiệm vụ thì văn hóa ứng xử của các chủ thể mới được bộc lộ rõ nét và đầy đủ nhất. Tuy nhiên, xét một cách toàn diện, văn hóa, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức không chỉ được bộc lộ trong khi thực hiện nhiệm vụ mà còn được đánh giá qua ứng xử, lối sống cả ở nơi làm việc và sinh sống cũng như trong các mối quan hệ xã hội khác.

Văn hóa công vụ chịu sự ảnh hưởng, chi phối của văn hóa cộng đồng, văn hóa quốc gia; các giá trị văn hóa truyền thống và đương đại chính là nền tảng, cơ sở của việc hình thành, lựa

chọn các giá trị về tổ chức và hoạt động của các chủ thể. Văn hóa công vụ bao gồm hệ thống các giá trị, chuẩn mực được thể hiện ra bên ngoài, nhưng mặt khác còn chứa đựng trong tiềm thức, ý thức của con người nên cấu trúc của văn hóa công vụ theo chiều ngang bao gồm cả lớp bên trong và hình thức thể hiện bên ngoài.

Lớp bên trong của văn hóa công vụ bao gồm quy tắc ứng xử chung mà mọi thành viên trong tổ chức đều tuân thủ, văn hóa truyền thống cùng với các giá trị cốt lõi của nền công vụ như: duy trì niềm tin của công chúng vào nhà nước, trách nhiệm thực thi công vụ; trung thành, trung thực, khách quan, minh bạch, đúng pháp luật; mang tính chuẩn mực nghề nghiệp: phục vụ bằng năng lực, kết quả, khách quan và không thiên vị. Lớp bên ngoài là các yếu tố hữu hình được thể hiện ra, bao gồm: biểu tượng, khẩu hiệu, trang thiết bị, cảnh quan, kiến trúc đặc trưng, sản phẩm, tài liệu; hệ thống nghi lễ, thủ tục, quy trình, cách thức tổ chức hoạt động; thái độ, hành vi của những người thực thi công vụ như trang phục, giao tiếp, ứng xử,...

Mỗi lớp của văn hóa công vụ bao hàm 3 trụ cột chính: công cụ, thiết chế để thực hiện và cách thức thực hiện. Công cụ điều chỉnh văn hóa công vụ là thể chế văn hóa công vụ. Thể chế văn hóa công vụ là các quy định, quy chế, quy tắc về hệ thống các chuẩn mực, giá trị, niềm tin hình thành trong quá trình xây dựng và phát triển công vụ của cá nhân và tổ chức, có khả năng lưu truyền và ảnh hưởng tới chất lượng công vụ.

Thể chế văn hóa công vụ có 2 cấp độ: tự giác và bắt buộc thực hiện. Ở cấp độ tự giác, là các quy tắc hướng dẫn ứng xử chung để các cá nhân và tổ chức tự điều chỉnh mà không cần chế tài. Nhưng từ góc độ pháp luật, đó là các quy định có tính bắt buộc, phải thực hiện, với những chế tài cụ thể. Thiết chế thực hiện là bộ máy để triển khai và cuối cùng là biện pháp, cách thức để triển khai thực hiện những quy định đó có hiệu quả.

Các quy định pháp luật về văn hóa công vụ cũng được chia làm nhiều cấp độ: các nguyên tắc chung, chuẩn mực chung và chuẩn mực cụ thể. Nguyên tắc chung là những chuẩn mực mang tính chất chỉ đạo, định hướng. Các chuẩn mực chung để điều chỉnh hoạt động của cơ quan, tổ chức và hành vi của mọi cán bộ, công chức, viên chức như chuẩn mực trong các mối quan hệ với đồng nghiệp, với nhân dân,... Chuẩn mực cụ thể hướng tới nhóm cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức gắn với những đặc điểm về nghề nghiệp của họ.

2. Thể chế văn hóa công vụ ở Việt Nam hiện nay

Văn hóa công vụ gắn với việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước nên được phản ánh bằng những hình thức pháp lý nhất định. Trên cơ sở nhận thức cũng như những hành động đáp ứng đúng, đủ, kịp thời những yêu cầu của pháp luật là nền tảng cho việc thực thi văn hóa công vụ. Hệ thống thể chế, pháp luật phù hợp với thực tiễn, với sự vận động khách quan của đời sống xã hội sẽ tạo không gian pháp lý tương thích để cán bộ, công chức, viên chức chủ động, sáng tạo, yên tâm cống hiến, phục vụ và nâng cao chất lượng công vụ.

Các chuẩn mực văn hóa trong hoạt động công vụ đã được hình thành và không ngừng được bổ sung, hoàn thiện. Nhìn chung, các quy định về văn hóa công vụ thể hiện trong nhiều văn bản luật(3); các văn bản do Thủ tướng Chính phủ ban hành(4), cùng nhiều bộ quy tắc ứng xử của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Các quy phạm về văn hóa công vụ được xây dựng theo hệ thống: 1) Các nguyên tắc chung; 2) các chuẩn mực chung áp dụng trong toàn bộ nền công vụ; 3) Các chuẩn mực áp dụng cho từng nhóm đối tượng cụ thể hoặc theo cấp bậc, chức vụ; 4) Các chuẩn mực áp dụng cho từng lĩnh vực cụ thể; trên cơ sở đó, mỗi bộ, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị xây dựng những giá trị và chuẩn mực phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, chức năng, nhiệm vụ của mình.

Trên thực tế, Luật Cán bộ, công chức năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2020) đã có nhiều quy định cho 2 nhóm đầu, điều chỉnh các hoạt động công vụ từ chỉ đạo, điều hành trong lãnh đạo, quản lý đến việc thực thi các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong thực thi công vụ ở mọi lĩnh vực. Những quy định này đã đặt nền tảng cho việc xây dựng các định chế văn hóa công vụ như một yêu cầu trọng tâm của hoạt động quản lý nhà nước.

Đối với các chuẩn mực văn hóa công vụ áp dụng cho từng nhóm chủ thể, hiện nay mới có một số quy định cho nhóm đặc thù. Cụ thể, đó là các quy định về trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa trách nhiệm người đứng đầu với trách nhiệm tập thể trong lãnh đạo quản lý cũng như kiến tạo, thực thi văn hóa công vụ(5). Quy định đối với nhóm cán bộ, công chức, viên chức có chức vụ, quyền hạn (Điều 20 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018), song chủ yếu hướng tới điều chỉnh hành vi trong phòng, chống tham nhũng. Các quy định đối với nhóm cơ quan, tổ chức đặc thù như công an, quân đội, giáo viên(6)... Đối với các lĩnh vực cụ thể, có khá nhiều quy định có liên quan đã được ban hành(7).

Tuy nhiên, những quy định cụ thể về văn hóa công vụ vẫn chưa rõ ràng trong các văn bản pháp luật chuyên ngành, thiếu tính hệ thống, thiếu chế tài hoặc chế tài yếu; việc vận dụng các quy định này trong xử lý các vi phạm cũng chưa kịp thời và thống nhất. Do đó, để nâng cao tính pháp lý, tạo chuẩn mực chung thì một số quy định cần được hệ thống hóa, pháp điển hóa về chuẩn mực, tiêu chí, cách thức thực hiện đối với mỗi nhóm chủ thể, nhóm hoạt động công vụ nhất định.

Theo Quyết định số 319/QĐ-BNV ngày 18/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Văn hóa công vụ thì nhóm nguyên tắc về văn hóa công vụ có thể được hoàn thiện bằng một chế định riêng trong Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức để thống nhất cách hiểu, hướng thực hiện. Các chuẩn mực chung về văn hóa công vụ sẽ được hệ thống hóa, thiết kế theo 4 nhóm, đó là: tinh thần, thái độ làm việc; giao tiếp, ứng xử; đạo đức, lối sống; trang phục của cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên, chủ thể của văn hóa công vụ trước hết là các cơ quan, tổ chức của Nhà nước nên cách xác định theo các chuẩn mực này mới hướng đến các cá nhân cán bộ, công chức, viên chức. Mặt khác, cách phân chia này cũng cần điều chỉnh để có thể bao quát được các nội dung cơ bản của văn hóa công vụ.

3. Một số đề xuất về hoàn thiện thể chế văn hóa công vụ

3.1. Về xây dựng thể chế

Hệ thống quy phạm pháp luật về văn hóa công vụ phải đặt trong mối quan hệ mật thiết với quy phạm đạo đức, sự tương thích với văn hóa truyền thống. Hình thức và nội dung thể

chế pháp lý về lĩnh vực này vừa phải phù hợp pháp luật trong nước, đồng thời phải thích ứng với sự phát triển đa chiều của xã hội và có tính hội nhập quốc tế. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế văn hóa công vụ cần đặt trong nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Chính phủ thông minh, xã hội thông tin với những vấn đề toàn cầu không ngừng thay đổi. Để xây dựng, hoàn thiện pháp luật về văn hóa công vụ, cùng với việc rà soát khung pháp lý hiện hành trong lĩnh vực này, cần tham khảo kinh nghiệm quốc tế để có góc nhìn toàn diện và hội nhập hơn cho hoạt động này là hết sức cần thiết(8).

Hoàn thiện quy định về văn hóa công vụ trong Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thể chế hóa các giá trị, chuẩn mực cơ bản của văn hóa công vụ, tạo nền tảng để các giá trị của văn hóa công vụ duy trì và phát triển. Rà soát, hệ thống hóa các quy định về văn hóa công vụ trong các văn bản luật có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, khắc phục sự trùng lặp hoặc mâu thuẫn. Cùng với quy định những việc phải làm, pháp luật về văn hóa công vụ cần quy định những hành vi bị coi là vi phạm và chế tài xử lý trong các nhóm quy phạm nhất định(9). Mỗi mục cần quy định rõ: khái niệm, các dấu hiệu của chuẩn mực; hành vi vi phạm về văn hóa công vụ; nguyên tắc, hình thức xử lý vi phạm; trình tự, thủ tục, thẩm quyền xử lý vi phạm.

Thể chế văn hóa công vụ cần hoàn thiện các quy định về giám sát việc thực hiện pháp luật, bao gồm giám sát bên trong và từ bên ngoài, đặc biệt là giám sát xã hội đối với việc thực hiện các giá trị, chuẩn mực văn hóa công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và của cơ quan, tổ chức nhà nước. Các quy định về chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm sự công bằng và ứng xử phù hợp trong hoạt động công vụ.

3.2. Triển khai thực hiện nghiêm pháp luật hiện hành về văn hóa công vụ

Tập trung nguồn lực cho việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về văn hóa công vụ là nội dung quan trọng để quyết định kết quả của những nỗ lực và quyết tâm nâng tầm văn hóa công vụ. Bởi vì, khi các quy định không được triển khai thực hiện nghiêm túc sẽ tạo thái độ coi thường pháp luật của các chủ thể có liên quan và việc thực hiện sẽ trở nên khó khăn hơn rất nhiều.

Cần chú trọng công tác lựa chọn công chức, bảo đảm đầu vào là những người có năng lực, có đạo đức. Khi tuyển dụng công chức cần chú trọng các giá trị và chuẩn mực văn hóa của công chức. Hình thành ý thức tự giác vươn tới những chuẩn mực của nền công vụ cùng với việc chịu trách nhiệm bởi những vi phạm, khiếm khuyết của mình. Đối với viên chức, có thể đưa nội dung cam kết giữ gìn văn hóa trở thành trách nhiệm của viên chức trong hợp đồng làm việc. Đồng thời, quy định vi phạm về văn hóa công vụ là một trong những căn cứ để đánh giá kết quả, xem xét chấm dứt hợp đồng làm việc. Thường xuyên bồi dưỡng, hình thành tri thức, tình cảm đạo đức và hành vi đạo đức của công chức. Giáo dục đạo đức công vụ cần đề cao sự tự rèn luyện, tu dưỡng của cán bộ, công chức, khuyến khích và tôn vinh sự hướng thiện trong khi thực hiện nhiệm vụ.

Từng bước nâng cao chất lượng môi trường công vụ, tạo ra nền tảng vững chắc cho việc xây dựng và thực hiện văn hóa trong hoạt động công vụ. Môi trường công vụ, theo nghĩa rộng

bao gồm các yếu tố như thể chế kiểm soát quyền lực, phân công chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn từng cơ quan trong bộ máy nhà nước, cơ chế giám sát, kiểm tra hoạt động của cơ quan nhà nước,... Đây là những điều kiện căn bản để văn hóa công vụ được xây dựng và thực hiện.

TS. Nguyễn Thị Vân Hà, Phó Trưởng khoa,

Khoa Nhà nước - pháp luật và Lý luận cơ sở, Học viện Hành chính Quốc gia

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

(1) Nguyễn Cửu Việt, Giáo trình Luật Hành chính, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2016.

(2) Huỳnh Văn Thới (chủ biên), Văn hóa công vụ ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn, Nxb Lý luận Chính trị, H.2016, tr.39-40.

(3) Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) đã đề cập đến đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Ngoài ra, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi các năm 2007, 2012, 2015, 2018); Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005 (sửa đổi năm 2013); Luật Tiếp công dân năm 2013; Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật trên cũng có nhiều quy định về ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức.

(4) Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước. Các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ có liên quan như: Chỉ thị số 32/2006/CT-TTg ngày 07/9/2006 về một số biện pháp cần làm ngay để chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 10/5/2007 về việc tăng cường các hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá; Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg ngày 31/01/2008 về nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 về tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 19/3/2014 về việc đẩy mạnh phòng, chống tiêu cực trong công tác quản lý công chức, viên chức và thi đua, khen thưởng... Chính phủ ban hành Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính các cấp, trong đó yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương rà soát, hoàn chỉnh nội quy, quy chế, quy trình làm việc của cơ quan, đơn vị; quán triệt, triển khai đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc. Đặc biệt, Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 đã đưa ra những chuẩn mực rõ ràng và đầy đủ hơn về ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và đề ra những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, làm rõ để hoàn thiện. Mới đây, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết

định số 733/QĐ-TTg ngày 14/6/2019 về kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025, nhằm nâng cao đạo đức công vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực công tác của cán bộ, công chức, viên chức để phục vụ nhân dân tốt hơn.

(5) Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 quy định vai trò, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định Ủy ban nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể Ủy ban nhân dân kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Luật Cán bộ, công chức quy định nghĩa vụ, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan tổ chức, đơn vị của Nhà nước,... Luật Tổ chức Chính phủ quy định vai trò, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định Ủy ban nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể Ủy ban nhân dân kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Luật Cán bộ, công chức quy định nghĩa vụ, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan tổ chức, đơn vị của Nhà nước,...

(6) Ví dụ: Quy định về trang phục ngành Công an, Quân đội, Thanh tra...; quy định về ngôn ngữ của giáo viên không nói lắp, nói ngọng...

(7) Quyết định số 1253/2008/QĐ-TANDTC ngày 18/9/2008 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức ngành Tòa án nhân dân; Quyết định số 2534/QĐ-BGTVT ngày 18/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong ngành giao thông vận tải; Quyết định số 29/2008/QĐ-BYT ngày 18/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp y tế; Quyết định số 61/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 31/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quyết định số 07/2008/QĐ-KTNN ngày 16/5/2008 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy tắc ứng xử của Kiểm toán viên nhà nước; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 16/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương; Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 18/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy chế văn hóa công sở cơ quan Bộ Tư pháp,...

(8) Pháp luật của nhiều quốc gia quy định các quy tắc ứng xử của các nhóm công chức trong một số văn bản riêng. Ví dụ, Ru-ma-ni có 2 luật chuyên biệt quy định về quy tắc ứng xử (năm 2004), đó là "Luật về quy tắc ứng xử dành cho công chức" và "Luật về quy tắc ứng xử dành cho cán bộ hợp đồng"; trong một số ngành, lĩnh vực cũng có các bộ quy tắc ứng xử riêng cho ngành, lĩnh vực đó. Cộng hòa Áo có bộ “Quy tắc ứng xử phòng ngừa tham nhũng trong khu vực công” năm 2008,...

Xem thêm: Chương trình bồi dưỡng ngắn hạn của Học viện quốc gia về Chính sách công Nhật Bản (GRIPS), năm 2015, do Giáo sư Masahiro Horrie chủ biên, dành cho đoàn cán bộ cấp Thứ trưởng và quy hoạch Thứ trưởng của Việt Nam theo Đề án 165; Vũ Thanh Sơn, Cạnh tranh trong tuyển chọn nhân lực, Nxb Thông tin và Truyền thông, H.2011.

(9) Về chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm về văn hóa công vụ, bảo đảm sự công bằng đối với mọi công chức trong nền công vụ. Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức hiện chỉ quy định chung các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức mà chưa có những quy định định khung cho từng cấp độ, do đó thiếu sự thống nhất trong quá trình xử lý hành vi vi phạm, đồng thời chưa tạo được tính nghiêm minh.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Cửu Việt, Giáo trình Luật Hành chính, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2016.

2. Thanh tra Chính phủ (2017), Tài liệu lưu hành nội bộ: “Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của một số nước trên thế giới”.

3. Phạm Hồng Thái, Pháp luật về công vụ và đạo đức công vụ, Sách tham khảo, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H.2015.

4. Huỳnh Văn Thới, Văn hóa công vụ ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn, Nxb Lý luận Chính trị, H.2016.

5. Tạ Đình Tuyên, Xây dựng quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức để phòng ngừa tham nhũng: Kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, tại [https:// tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat-the-gioi/xay-dung-quy-tac-ung-xu-cua-can-bo-cong-chuc-de-phong-ngua-tham-nhung-kinh-nghiem-cua-nhieu-quoc-gia-tren-the-gioi](https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat-the-gioi/xay-dung-quy-tac-ung-xu-cua-can-bo-cong-chuc-de-phong-ngua-tham-nhung-kinh-nghiem-cua-nhieu-quoc-gia-tren-the-gioi), xem ngày 08/4/2020.

GIỮ LỬA CẢI CÁCH

Quyết định số 170/QĐ-BKHĐT thành lập Tổ công tác triển khai Nghị quyết số 02/2022/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng ký ban hành ngày 14/02.

Theo quyết định, nhiệm vụ của tổ công tác này là tổ chức tham vấn, đối thoại với các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp, chuyên gia để kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập và đề xuất, kiến nghị giải pháp tương ứng; giúp lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, đánh giá tình hình và đôn đốc các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP; báo cáo lãnh đạo bộ các vấn đề bất cập, vướng mắc trong môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia...

Tổ công tác do Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Duy Đông làm Tổ trưởng, với sự tham gia của lãnh đạo một số đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổ công tác có 3 chuyên gia kinh tế, đó là: TS. Nguyễn Đình Cung, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM); TS. Nguyễn Bá Ân, nguyên Phó Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển; bà Nguyễn Thị Cúc, Chủ tịch Hội Tư vấn thuế Việt Nam, nguyên Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính).

Là người luôn theo dõi sát sao những biến chuyển về môi trường kinh doanh trong suốt hơn 20 năm qua, TS. Nguyễn Đình Cung bày tỏ tin tưởng sự ra đời của Tổ công tác sẽ giúp duy trì sức sống và độ “nóng” của Nghị quyết số 02/NQ-CP. Ông nói: “Khi sức nóng cải cách môi trường kinh doanh đang gia tăng ngay chính nơi chấp bút cho Nghị quyết số 02/2022/NQ-CP, thì việc triển khai thực hiện nghị quyết theo yêu cầu của Chính phủ chắc chắn sẽ rất nóng”.

Thực tế là đúng 9 ngày sau khi Nghị quyết số 02/NQ-CP được Chính phủ ban hành, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng đã ký Quyết định số 44/QĐ-BKHĐT về Kế hoạch hành động triển khai thực hiện nghị quyết này với 8 nhiệm vụ trọng tâm. Đó là rà soát danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, kiến nghị các phương án; tập trung dỡ bỏ rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, khác biệt của các quy định pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số; tăng cường cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh gắn với đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương và kiểm tra, giám sát...

Có thể thấy mục tiêu của kế hoạch hành động không chỉ là cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, nâng cao vị trí của nước ta trên các bảng xếp hạng quốc tế về môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh, mà còn nhằm tăng sức chống chịu của nền kinh tế trong bối cảnh dịch COVID-19; thúc đẩy thành lập doanh nghiệp mới; giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động; giảm chi phí đầu vào, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp và người dân.

Nhưng, cũng có thể thấy ngay rằng, quá trình hiện thực hóa những mục tiêu này sẽ rất chông gai và “đụng chạm”, vì sẽ cắt bỏ rất nhiều lợi ích xin - cho; ngăn chặn sự phát sinh những rào cản kinh doanh mới. Vì thế, việc có tổ công tác theo dõi, phát hiện vấn đề, kết nối với doanh nghiệp, các chuyên gia nghiên cứu độc lập trong các lĩnh vực và không bị chi phối bởi quan hệ cũng như cách thức làm việc hành chính là vô cùng quan trọng.

Kinh nghiệm triển khai thi hành Luật Doanh nghiệp năm 1999, năm 2005 và năm 2015 cũng chứng tỏ hiệu quả làm việc của mô hình tổ công tác khi rất nhiều đề xuất cải cách liên quan đến cắt giảm giấy phép con, điều kiện kinh doanh... đều xuất phát từ tổ công tác về thi hành Luật Doanh nghiệp (khi đó do chính Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Tổ trưởng) để lại những dấu ấn đậm nét. Hơn lúc nào hết, trong nỗ lực phục hồi và phát triển kinh tế hiện nay, vai trò tiên phong cải cách môi trường kinh doanh một lần nữa cần được phát huy hiệu quả cao nhất.

Nguồn: saigondautu.com.vn

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH: KỶ VỌNG Ở GÓI GIẢI PHÁP “PHI TÀI CHÍNH”

Dịch COVID-19 khiến doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều rủi ro, mức độ tổn thương lớn và có thể còn kéo dài. Trong bối cảnh đó, cải cách thể chế, tạo môi trường kinh doanh thực sự thông thoáng, thuận lợi và an toàn là gói giải pháp 'phi tài chính' được doanh nghiệp kỳ vọng.

Mức độ cải thiện môi trường kinh doanh có xu hướng chững lại

Qua 8 năm nỗ lực cải cách, vị trí của Việt Nam trên các bảng xếp hạng uy tín toàn cầu được nâng lên. Tuy nhiên, cải cách môi trường kinh doanh ở nước ta từ năm 2020 do tác động của đại dịch COVID-19 có xu hướng chững lại. Trên bảng xếp hạng toàn cầu, một số chỉ tiêu cải thiện chưa bền vững và còn không ít chỉ tiêu cụ thể mà chất lượng và thứ hạng của Việt Nam vẫn còn thấp hoặc không được cải thiện, thậm chí giảm bậc.

Dịch COVID-19 tác động nặng nề tới người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế, do vậy doanh nghiệp rất trông chờ vào những cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh của Chính phủ để dỡ bỏ rào cản, góp phần giúp doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn để phục hồi và phát triển. Tuy nhiên, Trưởng ban Ban Nghiên cứu môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) Nguyễn Minh Thảo cũng thẳng thắn đánh giá, năm 2020 và 2021, các nhóm giải pháp của Chính phủ tập trung nhiều vào chống dịch, hỗ trợ doanh nghiệp dưới hình thức giãn thời gian nộp thuế, bảo hiểm xã hội, giảm tiền thuê đất, hỗ trợ an sinh xã hội,... nên nỗ lực cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh của các bộ, ngành có xu hướng chững lại, triển khai chậm hơn.

Theo bà Nguyễn Minh Thảo, trên thực tế, rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh còn nhiều và khá phổ biến. Điều này làm trầm trọng thêm những khó khăn mà doanh nghiệp

đang phải đối mặt do tác động của dịch bệnh. Đơn cử như, tình trạng không rõ ràng, chồng chéo, trùng lặp, mâu thuẫn, khác biệt trong pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường đã và đang là rào cản lớn, gây ra không chỉ khó khăn, phức tạp, tốn kém, mà cả không ít rủi ro đối với doanh nghiệp.

“Công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã có một số chuyển biến tích cực trong giai đoạn 2015 - 2019, nhưng vẫn còn nhiều bất cập, gây tốn kém chi phí cho doanh nghiệp và nỗ lực cải cách chững lại trong hai năm qua. Dịch vụ công trực tuyến thực thi chưa hiệu quả, do đó, gánh nặng thủ tục hành chính vẫn là rào cản đáng kể”, bà Nguyễn Minh Thảo chỉ rõ.

Gói giải pháp “phi tài chính” đem lại hiệu quả dài hạn, bền vững

Môi trường kinh doanh sẽ tác động đến cách thức vượt qua đại dịch và mức độ tận dụng cơ hội này của các doanh nghiệp. Bởi cải cách thể chế, tạo môi trường kinh doanh thực sự thông thoáng và thuận lợi là yếu tố cơ bản không thể thiếu để doanh nghiệp phục hồi kinh doanh, góp phần đưa nền kinh tế quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng cao và bền vững. Đây là thời điểm doanh nghiệp càng cần hơn sự vào cuộc của các bộ, ngành trong cải cách quy định, thủ tục, dỡ bỏ rào cản để doanh nghiệp an tâm đầu tư, sản xuất, kinh doanh và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch.

“Cải thiện môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi và an toàn được xác định là giải pháp “phi tài chính” có ý nghĩa đối với doanh nghiệp để thích ứng và phục hồi sau đại dịch. Đây là giải pháp đem lại hiệu quả dài hạn, bền vững và được cộng đồng doanh nghiệp mong chờ”, bà Nguyễn Minh Thảo nhấn mạnh.

Do đó, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 2022 vừa được ban hành sẽ tạo ra những áp lực để tạo ra những thay đổi cần thiết từ chính “nội bộ” nền kinh tế để tiệm cận với những chuẩn mực quốc tế bên ngoài. Đồng thời, tiếp tục hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh, khắc phục tác động tiêu cực của dịch COVID-19.

Theo đại diện của CIEM, điểm khác biệt của Nghị quyết số 02/NQ-CP năm nay so với Nghị quyết số 19/NQ-CP hay Nghị quyết số 02/NQ-CP trước đây là ở các nhóm giải pháp trọng tâm và chi tiết hơn. Chẳng hạn, một số nhóm chỉ tiêu trước đây Việt Nam rất yếu như quyền tài sản hay các chỉ số liên quan đến phát triển bền vững cũng đã được đưa vào bản nghị quyết này.

Ngoài ra, Nghị quyết cũng mở rộng hơn các nhóm giải pháp đã được thực hiện trong các nghị quyết trước về cải cách điều kiện kinh doanh. Đó là cùng với việc rà soát danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện để nhận diện những bất cập của điều kiện kinh doanh, Nghị quyết sẽ rà soát danh mục đầu tư có điều kiện để nhận diện “gốc rễ” của vấn đề.

“Nghị quyết số 02/NQ-CP cũng đề ra những giải pháp về cải cách thủ tục hành chính gắn với phân cấp và trao quyền nhiều hơn cho địa phương thông qua cơ chế giám sát, thanh tra, kiểm tra và hậu kiểm. Hoạt động quản lý và kiểm tra chuyên ngành tiếp tục được đẩy cao hơn

một bước nhằm đạt được cùng mức với các quốc gia trong khu vực cũng như tạo thuận lợi cho doanh nghiệp”, bà Nguyễn Minh Thảo thông tin thêm.

Tuy nhiên, bà Thảo cho rằng, để tạo ra sự thay đổi cần có sự chỉ đạo thường xuyên, liên tục và áp đặt từ Chính phủ nhằm tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ, nếu không sẽ dẫn tới tình trạng “tôi cứ làm còn đạt được hay không thì không quan trọng”.

“Để có được áp lực mạnh mẽ như vậy, cần nhiều cơ quan, tổ chức tham gia giám sát quá trình này. Sự giám sát rất đa dạng có thể đến từ các cơ quan nghiên cứu độc lập, các hiệp hội doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông và các tổ chức quốc tế. Áp lực cần được tạo ra thường xuyên, cần nói đến nhiều lần, nhiều nơi một cách chi tiết và cụ thể”, bà Thảo nêu rõ.

Bên cạnh đó, bản thân các Bộ, ngành cũng cần thường xuyên đối thoại với các doanh nghiệp nhằm tạo cho các lãnh đạo bộ ngành nhận biết được những vấn đề tồn tại, những rào cản để họ thay đổi từ bên trong. Nếu tổng hòa các giải pháp này thì sẽ loại bỏ được những rào cản.

Nguồn: vov.vn

MỞ ĐƯỜNG CHO KHU VỰC TƯ NHÂN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Chuyển giao một phần dịch vụ công do Nhà nước quản lý sang khu vực tư nhân là một giải pháp khác tăng tính cạnh tranh để nâng cao hiệu quả cho các dịch vụ công trực tuyến.

Hiện nay, cả nước có 70 Bộ, ngành, địa phương đưa 100% dịch vụ công đủ điều kiện lấy mức độ 4. Chính phủ đặt ra mục tiêu trong năm 2022, tất cả các bộ, ngành, địa phương sẽ hoàn thành mục tiêu này. Tác động của dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đến việc thực hiện thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp cũng như các giải pháp để nâng cao mức độ cũng như hiệu quả của các dịch vụ công này đang là vấn đề cần bàn luận.

Người dân hài lòng quy trình hành chính

Để đảm bảo việc giải quyết thủ tục hành chính được thông suốt ngay từ những ngày đầu năm mới Nhâm Dần, cơ quan hành chính ở các địa phương đã nghiêm túc trở lại làm việc. Công tác phòng, chống dịch COVID-19 cũng được thực hiện nghiêm túc mang lại sự hài lòng cho người dân.

Tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, từ 8h sáng đã có người dân đến làm thủ tục. Dù số lượng không nhiều nhưng bộ phận hành chính vẫn bố trí đầy đủ người như mọi ngày. Mỗi trường hợp chỉ mất 5 phút để làm xong thủ tục hành chính.

Những ngày này, mặc dù số người đến giải quyết công việc không nhiều song đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính của TP. Hà Nội đều thực hiện nghiêm giờ trực, giờ làm việc. Đặc biệt, tại bộ phận một cửa của các quận, huyện không khí làm việc tích cực cùng với tinh thần phục vụ chu đáo của đội ngũ cán bộ, công chức các thủ tục hành chính đã được giải quyết một cách nhanh gọn.

Theo bà Đỗ Thị Hồng Nhung, cán bộ tiếp công dân quận Long Biên, đó là một quy trình làm việc vừa đảm bảo phòng, chống dịch vừa thuận lợi cho người dân: “Chúng tôi luôn giữ vững tinh thần phục vụ làm sao để người dân hài lòng. Khi người dân đến thì tận tình hướng dẫn để người dân thực hiện thủ tục hành chính một cách thuận tiện, đơn giản, hiệu quả nhất”.

Còn tại TP. Hồ Chí Minh, khá đông người dân đến làm các loại thủ tục tại các cơ quan hành chính trên địa bàn thành phố.

Tại Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, người dân đến nộp hồ sơ trực tiếp được hướng dẫn xếp hàng và đảm bảo phòng, chống dịch trong phòng tiếp nhận hồ sơ.

Tương tự, tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, người dân được yêu cầu khai báo y tế, khử khuẩn đeo, khẩu trang và đảm bảo giãn cách trong quá trình vào giao dịch.

TP. Thủ Đức cũng hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục, không xảy ra tình trạng dồn ứ hay phải xếp hàng chờ đợi.

Chị Bùi Phương Nhi (phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức) cho biết: “Tôi chỉ mất 5 -10 phút để hoàn thiện thủ tục. Tôi thấy cán bộ rất nhanh, nhiệt tình và nghiêm túc. Tôi rất hài lòng”.

Sự hài lòng, tin tưởng của người dân là động lực để các cơ quan hành chính nhà nước tiếp tục phục vụ nhân dân chu đáo và an toàn.

Cùng với sự phục vụ tận tình tại bộ phận một cửa, ngay từ đầu năm 2022, việc áp dụng nhận hồ sơ, giải quyết hồ sơ trực tuyến và trả kết quả tại nhà cũng được các địa phương đẩy mạnh. Hồ sơ vừa được giải quyết nhanh chóng vừa bảo đảm phòng, chống dịch.

Đẩy mạnh số hóa các thủ tục hành chính

Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau Hồ Chí Linh cho biết: “Trung tâm hành chính cũng đã phối hợp với các đơn vị có liên quan giải quyết thủ tục hành chính thông qua môi trường mạng. Trên cơ sở đó, chúng tôi đã phát triển ứng dụng trên thiết bị điện thoại thông minh. Trung tâm cũng sẽ đẩy mạnh việc số hóa, tạo nền tảng kho dữ liệu số cho từng cá nhân”.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh Thừa Thiên - Huế Trần Thị Hoài Trâm nói: “Chúng tôi đang số hóa tất cả các hồ sơ thủ tục hành chính đã nộp tại trung tâm, hướng tới xây dựng một chính quyền số. Sau này, người dân chỉ cần cung cấp mã số của mình thì sẽ tra cứu được tất cả các thủ tục hành chính mà họ đã xử lý nên không cần phải nộp hồ sơ giấy tờ nữa”.

Với tỉnh Thừa Thiên - Huế, hiện cổng dịch vụ công của tỉnh đã cung cấp hơn 1.300 dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, hơn 800 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Còn với tỉnh Cà Mau, trung tâm hành chính tỉnh đã tích hợp công khai 346 dịch vụ công trực tuyến của tỉnh lên cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 100 % tổng số dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, xếp thứ 53/63 tỉnh, thành phố trong toàn quốc về số lượng dịch vụ công đã tích hợp lên cổng dịch vụ công quốc gia.

Cần nhiều nỗ lực để đạt mục tiêu 100% dịch vụ công trực tuyến

Đến nay cả nước đã có 70 bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc đưa 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên cung cấp trực tuyến mức độ 4. Năm 2022, Chính phủ đặt ra mục tiêu phấn đấu cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

GS. TS. Đặng Hùng Võ, nguyên Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho rằng, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cũng có những tiến bộ nhất định nhưng vẫn chưa đạt được yêu cầu của Chính phủ đặt ra. Cụ thể, biện pháp tin học hóa, biện pháp hành chính số là biện pháp cơ bản để vượt lên khỏi những thủ tục phức tạp mà các doanh nghiệp, những người dân hiện nay đang phải chịu. Thậm chí, sau một quá trình cải cách thủ tục hành chính khá dài, gần 15 năm nhưng những khó khăn trong việc thực hiện thủ tục hành chính của doanh nghiệp của người dân của các hộ gia đình vẫn chưa được tháo gỡ một cách đầy đủ.

"Một trong những điểm quan trọng nhất của Chính phủ số là sự đối thoại giữa Chính phủ với người dân; sự đối thoại giữa Chính phủ với doanh nghiệp trên cơ sở online. Thực tế, tôi chưa cảm thấy thỏa đáng trong việc đối thoại này. Hơn nữa, với các thủ tục hành chính, các giao dịch cụ thể giữa Nhà nước với các doanh nghiệp ở các cấp mà mỗi một bộ có một cửa thì có bộ làm tốt, có nơi làm chưa tốt, chưa đẩy được việc này lên những bước phát triển quan trọng" - GS. Đặng Hùng Võ nhận xét.

Với nguồn lực như hiện nay, mục tiêu cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong năm 2022, GS. Đặng Hùng Võ cho rằng, đây là một mục tiêu rất đáng khuyến khích, phù hợp với xu hướng phát triển để đẩy xã hội lên cao hơn. Nhưng để thực hiện được mục tiêu này, chúng ta cần nỗ lực rất lớn. Trong đó, nỗ lực của cán bộ quản lý là yếu tố quyết định. Chung quan điểm với GS. TS. Đặng Hùng Võ, Chuyên gia phân tích chính sách công chương trình phát triển Liên hợp quốc Đỗ Thanh Huyền cho rằng: Cùng với việc số hóa, gia tăng các dịch vụ công thiết yếu, nâng cao mức độ tiếp cận của người dân cần sự phối hợp vào cuộc của cả hệ thống chính trị, từ Trung ương đến địa phương

"Những giải pháp hiện nay để hỗ trợ cho người dân vào được dịch vụ công trực tuyến là: Thứ nhất, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến hiện nay đang có. Thứ hai, phát tờ rơi giới thiệu về dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 cấp độ 4 cho người dân, để người dân biết được, thay vì đến tận nơi, người dân có thể thực hiện các thủ tục hành chính qua mạng. Phải tăng lượng người dùng thì mới biết quy trình, thủ tục nào còn gặp khó khăn khi thực hiện để kịp thời đổi mới" - Bà Đỗ Thanh Huyền nói:

Tiếp theo, việc giúp chính quyền địa phương, chính quyền cơ sở đưa các dịch vụ liên quan tới công dân lên cổng công trực tuyến của tỉnh, cổng dịch vụ công trực tuyến quốc gia là bài toán của hệ thống. Hệ thống ở đây là quyết tâm chính trị cũng như tài chính và kỹ thuật của chính đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ cấp trung ương cho đến cấp địa phương.

"Tôi xin được nhấn mạnh, trước hết phải hiểu cấp cơ sở phục vụ được ai, phục vụ cái gì tại thời điểm này, trong trung hạn 5 năm, trong hạn 10 năm để có một lộ trình hướng tới 100% dịch vụ công trực tuyến mà Chính phủ đề ra" - bà Huyền lưu ý.

Để khu vực tư nhân cung cấp dịch vụ công

Chuyển giao một phần dịch vụ công do Nhà nước quản lý sang khu vực tư nhân là một giải pháp khác để nâng cao mức độ cũng như hiệu quả của các dịch vụ công trực tuyến được Phó Cục trưởng Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Phú Tiến đề cập.

Đây cũng là một trong những giải pháp được đưa ra tại chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

“Hiện nay, đa số các cung cấp các dịch vụ công vẫn do cơ quan nhà nước triển khai. Tuy nhiên, trong định hướng cũng như trong thực tế, việc này đã có sự tham gia của các doanh nghiệp. Ví dụ như dịch vụ công trực tuyến; các dịch vụ bưu chính công ích: Giúp người dân nhận hồ sơ nhà, sau đó chuyển cơ quan nhà nước xử lý cũng như khi có kết quả thì chuyển đến nhà dân; một số dịch vụ thuế, hải quan,... Như vậy người dân, doanh nghiệp có thể là thông qua các doanh nghiệp để thực hiện thủ tục hành chính” - ông Nguyễn Phú Tuyền nhấn mạnh.

Cục trưởng Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ Ngô Hải Phan nêu 3 tiêu chí mang tính giải pháp đột phá trong việc đưa 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên mức độ 4.

Trước hết, phải lấy nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm, cải cách là dẫn dắt và công nghệ là công cụ hỗ trợ, tập trung phát triển những nền tảng dùng chung. Đó là cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, nền tảng thanh toán trực tuyến, hệ thống theo dõi, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Thứ hai, cần khắc phục việc công dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh do hai cơ quan phụ trách. Việc này sẽ phát sinh những chi phí đầu tư về nền tảng, sự đầu tư trùng lặp giữa hai hệ thống.

Thứ ba, phải thực hiện gắn số hóa với tái sử dụng kết quả hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hình thành công chức điện tử; đồng thời cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng cá nhân, tổ chức không phải cung cấp lại hồ sơ, giấy tờ điện tử đã được số hóa, có giá trị pháp lý.

Nguồn: vov.vn

CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 28/01, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 04/2022/TT-BCT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.**

Theo Thông tư, Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công thương, bao gồm các ngành và lĩnh vực: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí (nếu có); hoá chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng thông thường); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiểu thủ công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hoá trên địa bàn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; xuất khẩu, nhập khẩu; thương mại biên giới (đối với các tỉnh có biên giới); xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn.

Sở Công Thương có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Công Thương.

16 nhiệm vụ và quyền hạn

Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn gồm:

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương; dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, dự án, đề án; biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn cấp tỉnh trong phạm vi quản lý của Sở Công Thương...

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về công thương thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản khác trong lĩnh vực công thương được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

4. Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp bao gồm: Công nghiệp cơ khí, luyện kim và công nghiệp điện tử; công nghiệp hỗ trợ; điện lực, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả...

5. Về thương mại gồm có: Thị trường trong nước; xuất khẩu, nhập khẩu; thương mại điện tử và kinh tế số; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; quản lý thị trường...

6. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân hoạt động trên địa bàn trong lĩnh vực công thương; quản lý các hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương theo quy định của pháp luật.

8. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực công thương.

9. Thực hiện hợp tác quốc tế về công thương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

10. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

11. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về công thương.

12. Kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương.

13. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, Thanh tra và Văn phòng thuộc Sở Công Thương; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương theo quy định của pháp luật...

14. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

15. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với UBND cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

16. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước cấp trên.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2022.

*** Ngày 10/01, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư số 01/2022/TT-BYT quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành Dân số.**

Trong đó, Thông tư quy định rõ việc ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý Kho dữ liệu chuyên ngành Dân số. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê chuyên

ngành Dân số, gồm các hoạt động hoàn thiện, triển khai các phần mềm nhập tin, lập báo cáo thống kê chuyên ngành Dân số, tiện ích trên phần mềm tin học, ứng dụng chuyên ngành bảo đảm khả năng truy cập, quản lý, tìm kiếm, cập nhật cơ sở dữ liệu và các kỹ thuật liên quan thống nhất từ cấp xã, huyện, tỉnh và trung ương; tích hợp, khai thác số liệu thống kê từ các phần mềm ứng dụng chuyên ngành, các cơ sở dữ liệu hành chính khác thuộc trách nhiệm được giao phục vụ cho công tác thống kê chuyên ngành Dân số theo quy định của pháp luật.

Cơ quan được giao quản lý Kho dữ liệu chuyên ngành Dân số có trách nhiệm kiểm tra, bảo trì, sao lưu, phục hồi, cập nhật, kết xuất, lập báo cáo định kỳ và các báo cáo theo yêu cầu, chuyển dữ liệu điện tử lên cơ quan cấp trên; bảo đảm cơ sở dữ liệu phải được an toàn, an ninh, xác thực, bảo mật trên các phương tiện lưu trữ.

Cơ sở dữ liệu phải được sao lưu định kỳ hằng tháng, ít nhất thành 2 bộ, mỗi bộ trên 1 phương tiện lưu trữ độc lập. Việc sao lưu phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời, an toàn và thống nhất theo quy trình kiểm tra, sao lưu, phục hồi dữ liệu.

Cơ quan được giao quản lý Kho dữ liệu chuyên ngành dân số thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Kho dữ liệu chuyên ngành Dân số với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của ngành Y tế; với các Bộ, ngành liên quan; chia sẻ cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định rõ Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình là đầu mối trong việc tiếp nhận, tổng hợp, phân tích số liệu thống kê chuyên ngành Dân số trên phạm vi cả nước; thống nhất quản lý chuyên môn, kỹ thuật của hệ thống Kho dữ liệu chuyên ngành Dân số; trực tiếp quản lý Kho dữ liệu chuyên ngành Dân số trung ương và hạ tầng kỹ thuật kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hệ thống Kho dữ liệu chuyên ngành Dân số.

Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hướng dẫn thực hiện các quy định về ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành Dân số; chuyên môn, kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý Kho dữ liệu chuyên ngành Dân số. Thực hiện rà soát, thẩm định thông tin, số liệu thống kê chuyên ngành các cấp và các nội dung liên quan đến công tác thống kê chuyên ngành Dân số; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành và nội dung liên quan đến công tác thống kê chuyên ngành Dân số theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2022.

*** Ngày 04/01, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ký ban hành Thông tư số 01/2022/TT-BTP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. Thông tư có hiệu lực từ ngày 18/02/2022.**

Theo Thông tư, có thể sử dụng bản điện tử giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn... để thực hiện các thủ tục hành chính thay cho bản giấy.

Ban hành kèm theo Thông tư có: Nội dung bản điện tử giấy tờ hộ tịch; văn bản xác nhận thông tin hộ tịch; Giấy báo tử (Phụ lục 1); Nội dung các biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác tích hợp, phục vụ đăng ký hộ tịch trực tuyến (Phụ lục 2).

Thông tư nêu rõ, giá trị pháp lý của bản điện tử giấy tờ hộ tịch được thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và hướng dẫn sau:

a) Bản điện tử giấy tờ hộ tịch có giá trị sử dụng như giấy tờ hộ tịch bản giấy trong các giao dịch, thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến; có giá trị thay thế các giấy tờ hộ tịch bản giấy khi làm thủ tục đăng ký hộ tịch trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

b) Mã QRcode trên bản điện tử giấy tờ hộ tịch là địa chỉ Internet dẫn tới dữ liệu, định dạng hình ảnh của giấy tờ hộ tịch tương ứng trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, có giá trị cung cấp thông tin về tính chính xác, hợp lệ, các thông tin chi tiết của giấy tờ hộ tịch trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

c) Cá nhân, cơ quan, tổ chức khi tiếp nhận bản điện tử giấy tờ hộ tịch do người yêu cầu đăng ký hộ tịch nộp, xuất trình có thể kiểm tra tính chính xác, thời hạn sử dụng, thông tin cập nhật của bản điện tử giấy tờ hộ tịch thông qua mã QRCode trên bản điện tử của giấy tờ đó.

Để có được bản điện tử này người dân truy cập vào Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh đăng ký tài khoản và xác thực người dùng theo hướng dẫn.

Sau khi đăng nhập tài khoản thành công, người có yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác, đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật...

Người có yêu cầu đăng ký hộ tịch được nhận kết quả đăng ký hộ tịch theo một trong các phương thức sau đây: Nhận bản điện tử giấy tờ hộ tịch gửi qua thư điện tử, kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó; Nhận bản điện tử giấy tờ hộ tịch gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin...

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI

CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Nam - Hàm Vụ trưởng, Thư ký Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Văn Nên giữ chức Trợ lý Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Văn Nên.

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ:

Ngày 14/02/2022, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Quyết định số 204/QĐ-TTg phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ là Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo gồm: Bà Phạm Thị Thanh Trà, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, (Phó Trưởng Ban thường trực); ông Trần Văn Sơn, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; ông Nguyễn Trọng Thừa, Thứ trưởng Bộ Nội vụ.

Ủy viên Ban Chỉ đạo gồm: Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Tịnh; Thứ trưởng Bộ Tài chính Tạ Anh Tuấn; Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Huy Dũng; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Nguyễn Xuân Thành; Thượng tướng Lê Huy Vịnh, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Thiếu tướng Lê Quốc Hùng, Thứ trưởng Bộ Công an.

Ngoài ra, Ủy viên Ban Chỉ đạo còn có Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Quang Hiệu; Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Duy Đông; Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Thế Duy; Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hoàng Minh Sơn; Thứ trưởng Bộ Y tế Trần Văn Thuấn; Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Nguyễn Bá Hoan; Thứ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch Tạ Quang Đông; Phó Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam Đào Minh Tú; Thứ trưởng Bộ Công Thương Trần Quốc Khánh; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải Nguyễn Ngọc Đông; Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh; Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phùng Đức Tiến; Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Nguyễn Thị Phương Hoa; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Nông Quốc Tuấn; Phó Tổng Thanh tra Chính phủ Lê Sỹ Bảy.

Ủy viên Ban Chỉ đạo còn có: Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam Nguyễn Thị Thu Hiền; Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam Ngô Minh Hiền; Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam Đinh Đăng Quang; Phó Chủ tịch thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Trần Thanh Hải; Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Ngô Văn Cương; Vụ trưởng Vụ Pháp luật, Văn phòng Chính phủ Đinh Dũng Sỹ; Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ Phạm Minh Hùng (Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ).

Quyết định trên có hiệu lực từ ngày 14/2/2022 và thay thế Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 20/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

*** Bộ Ngoại giao:**

Ông Nguyễn Trường Sơn, Phó Vụ trưởng, Phó Chánh Văn phòng Bộ được điều động và cử làm Quyền Tổng Biên tập Báo Thế giới và Việt Nam.

Ông Nguyễn Hoàng Việt, nguyên Tổng Lãnh sự Việt Nam tại Vladivostok, Nga được tiếp nhận, điều động giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Phục vụ Ngoại giao đoàn.

Ông Phạm Hoàng Tùng, nguyên Tham tán Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức, kết thúc nhiệm kỳ về nước được tiếp nhận, điều động giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Lãnh sự.

*** Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:**

Ông Lê Tiến, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật (Vụ 10), Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, kể từ ngày 15/02/2022.

Ông Nguyễn Xuân Hùng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang được bổ nhiệm chức danh Kiểm sát viên cao cấp, kể từ ngày 01/02/2022.

Ông Vũ Mạnh Hùng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng được bổ nhiệm chức danh Kiểm sát viên cao cấp, kể từ ngày 01/02/2022.

Bà Phạm Thị Kim Liên, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được bổ nhiệm chức danh Kiểm sát viên cao cấp, kể từ ngày 01/02/2022.

Ông Nguyễn Văn Khoát, Hiệu trưởng Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát tại thành phố Hồ Chí Minh được bổ nhiệm chức danh Kiểm sát viên cao cấp, kể từ ngày 01/02/2022.

Ông Nguyễn Thanh Trúc, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long được bổ nhiệm chức danh Kiểm sát viên cao cấp, kể từ ngày 01/02/2022.

Ông Trần Kiến Xương, Phó Chánh Văn phòng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Trưởng đại diện Văn phòng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh được bổ nhiệm chức danh Kiểm sát viên cao cấp, kể từ ngày 01/02/2022.

Nguồn: baochinhphu.vn